

| TT        | Tên đơn vị                           | Nhóm các nội dung góp ý                  | Ý kiến góp ý  | Giải trình  |
|-----------|--------------------------------------|--|---|---|
|           |                                      |  | <p>quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định này: "Điều 7. Ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước</p> <p>3. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 22 năm và giảm 75% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này". Trong đó, khoản 3 Điều 5 Quyết định này: "3. Thuế suất ưu đãi 5% trong thời gian 37 năm áp dụng đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau: a) Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ..."</p> |   |
| <b>IV</b> | <b>Các tổ chức khác có liên quan</b> |  |   |   |
| 22        | <b>Học viện Công nghệ Bưu chính</b>  | Điều 5 (thị thực và lao động nước ngoài) | 1. Đối với dự thảo Nghị định: Nhất trí với phương án 2 tại Khoản 2 Điều 5, tuy nhiên cần xem xét điều kiện tại các điểm a), b), c) có thỏa mãn điểm d) về thủ tục xác nhận người lao động không thuộc diện cấp phép lao động hay không.   | Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, tiếp thu và giải trình như đối với ý kiến của các cơ quan bên trên. |

| TT | Tên đơn vị                                  | Nhóm các nội dung góp ý   | Ý kiến góp ý   | Giải trình  |
|----|---|---|--|---|
|    | Viễn thông                                  |   |  |   |
| 23 | Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam |   | Nhất trí   |   |
| 24 | Đại học Đà Nẵng                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 5:</li> <li>- Điều 7</li> <li>- Điều 8</li> <li>- Khoản 5 Điều 17</li> <li>- Khoản 1</li> </ul> | <p>1. Đối với khoản 2 Điều 5 Dự thảo nghị định: đề xuất lựa chọn “phương án 2” để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nước ngoài làm việc tại Trung tâm và các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ cho Trung tâm.</p> <p>2. Đối với Điều 7 Dự thảo nghị định: đề nghị xem xét, bổ sung nội dung quy định cho phép Trung tâm được miễn tiền thuê đất.</p> | Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, tiếp thu và giải trình như đối với ý kiến của các cơ quan bên trên. |

| TT | Tên đơn vị | Nhóm các nội dung góp ý | Ý kiến góp ý   | Giải trình |
|----|------------|-------------------------|--|------------|
|    |            | Điều 18                 | <p>3. Đối với Điều 8 Dự thảo nghị định: tại Điều 113 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư đã sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, trong đó có quy định đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Trung tâm. Tuy nhiên, tại Điều 8 Nghị định không đề cập đến nguồn viện trợ này, đề nghị xem xét bổ sung cho phù hợp.</p> <p>4. Khoản 5 Điều 17 Dự thảo nghị định có nội dung: “Bộ Tài chính hướng dẫn và hướng dẫn ưu đãi về đất đai cho Trung tâm theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này”. Đề nghị hiệu chỉnh thành khoản 2 Điều 7 để đúng với đối tượng ưu đãi đất đai của Nghị định.</p> <p>5. Đối với khoản 1 Điều 18 Dự thảo nghị định, đề nghị xem xét bổ sung nội dung “Nghị định này thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020 quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia” vì đây là văn bản thay thế do đó phải có nội dung quy định rõ về việc thay thế, hủy bỏ, hết hiệu lực của văn bản cũ.</p> |            |

| TT | Tên đơn vị  | Nhóm các nội dung góp ý   | Ý kiến góp ý   | Giải trình  |
|----|---|---|--|---|
| 25 | Đại học Quốc gia TP.HCM                             |   | Nhất trí   |   |
| 26 | Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phạm vi điều chỉnh</li> <li>- Về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các đối tác của Trung tâm</li> <li>- Điều 18 (Hiệu lực thi hành)</li> </ul> | <p>1. Về phạm vi điều chỉnh tại Điều 1: Đề xuất bổ sung thêm nội dung: “..., tổ chức và cá nhân hoạt động tại Trung tâm, Vườn ươm Doanh nghiệp Công nghệ cao được cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp và các đối tác của Trung tâm.”</p> <p>2. Về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các đối tác của Trung tâm:</p> <p>Tại dự thảo chưa có điều khoản về chính sách ưu đãi cho các đối tác của Trung tâm, vì phạm vi điều chỉnh của dự thảo này có nêu: “Nghị định này quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (sau đây gọi tắt là Trung tâm) được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tổ chức và cá nhân hoạt động tại Trung tâm và các đối tác của Trung tâm”.</p> | Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, tiếp thu và giải trình như đối với ý kiến của các cơ quan bên trên. |

| TT | Tên đơn vị                                      | Nhóm các nội dung góp ý   | Ý kiến góp ý  | Giải trình   |
|----|---|---|---|--|
|    |   |   | <p>3. Về hiệu lực thi hành tại Điều 18:<br/> Đề xuất bổ sung thêm nội dung: “Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.”</p>  |  |
| 27 | Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên dự thảo nghị định</li> <li>- Phạm vi hỗ trợ của TT ĐMSTQG</li> <li>- xem xét bổ sung thêm căn cứ</li> <li>- Đối với Tờ trình: thể chế hoá các cơ chế, chính sách ưu tiên đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo</li> </ul> | <p>Một số góp ý chi tiết Dự thảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và thực tiễn như Tờ trình của Bộ KH&amp;ĐT đề nghị Ban soạn thảo <b>xem xét sửa lại tên và nội dung của “Nghị định quy chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia”</b> như Dự thảo thành <b>“Nghị định quy chế, chính sách ưu đãi đối với các Trung tâm Đổi mới sáng tạo”</b> nhằm bảo đảm tính bình đẳng và tạo điều kiện cho tất cả các Trung tâm Đổi mới sáng tạo hoạt động và phát triển. Đối với riêng Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia nếu do tính chất đặc thù hay sự quan trọng đặc biệt đối với nền KH&amp;CN và đổi mới sáng tạo nước nhà thì có thể có những điều khoản riêng quy định trong Nghị định.</li> <li>- Cần <b>thể hiện rõ hơn phạm vi hỗ trợ của Trung tâm KN ĐMST</b> không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ cho các DN, tổ chức, cá nhân hoạt động trong tại các Trung tâm ĐMST ở giai đoạn</li> </ul> | <p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, tiếp thu và giải trình như đối với ý kiến của các cơ quan bên trên.</p> |

| TT | Tên đơn vị | Nhóm các nội dung góp ý | Ý kiến góp ý  | Giải trình |
|----|------------|-------------------------|---|------------|
|    |            |                         | <p>           nghiên cứu phát triển, thực nghiệm, mà quan trọng hơn còn phải bao gồm cả việc hỗ trợ xúc tiến thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ mới, có khả năng tăng trưởng cao và (bổ sung thêm) có nhu cầu lớn trên thị trường và giải quyết những vấn đề bất cập, cấp thiết về bảo vệ sức khỏe con người và môi trường trong nước và thế giới, góp phần tăng năng lực cạnh tranh quốc gia, có tiềm năng xuất khẩu, tạo việc làm cho doanh nghiệp trong nước.         </p> <p> <b>- Cần quy định cụ thể hơn về phạm vi hỗ trợ, không chỉ về vốn, tài chính, mà cả hỗ trợ về thúc đẩy các cơ quan quản lý liên quan hỗ trợ giải quyết kịp thời, ưu tiên làm nhanh các thủ tục hành chính liên quan đến do kiểm, thử nghiệm, đánh giá, công nhận, cấp các chứng chỉ, chứng nhận, các thủ tục liên quan đến đấu thầu cạnh tranh, thủ tục đăng ký đầu tư, ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ công, hỗ trợ về cơ chế chính sách để mở rộng thị trường thương mại trong và ngoài nước và thị trường hàng hóa dịch vụ công sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng</b> </p> <p> <b><u>Kiến nghị, đề xuất:</u></b> </p> <p> <b>- Đề nghị bổ sung thêm căn cứ là Luật KH&amp;CN trong Nghị định: Tại phần đầu của Dự thảo Nghị định về các căn cứ, đề</b> </p> |            |

| TT | Tên đơn vị | Nhóm các nội dung góp ý | Ý kiến góp ý   | Giải trình |
|----|------------|-------------------------|--|------------|
|    |            |                         | <p>ng nghị bổ sung thêm căn cứ là Luật KH&amp;CN năm 2013 (Luật KH&amp;CN hợp nhất năm 2022) vì Luật KH&amp;CN có đề cập tới nội hàm đổi mới sáng tạo và tại Điều 47 của Luật có đề cập tới nội dung khuyến khích các hoạt động đổi mới sáng tạo.</p> <p>- Trong Tờ trình, Bộ KH&amp;ĐT cũng đã nêu rõ tinh thần chỉ đạo trong Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị: “Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh”; “Tạo lập đồng bộ và kịp thời khung pháp lý và hệ thống các chính sách để triển khai và phát triển các công nghệ mới”; “Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp tại Hà Nội, Đà Nẵng. Thành phố Hồ Chí Minh”. Như vậy, cần thể chế hoá các cơ chế, chính sách ưu tiên đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo, trong đó có cả Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia thuộc Bộ KH&amp;ĐT.</p> <p>Luật Đầu tư năm 2020 quy định đối tượng ưu tiên là: “Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển” (Điều 15). Như vậy, tất cả các trung tâm đổi mới sáng tạo đều là đối tượng ưu tiên</p> |            |

| TT | Tên đơn vị  | Nhóm các nội dung góp ý   | Ý kiến góp ý   | Giải trình  |
|----|---|---|--|---|
|    |   |   | chứ không chỉ ưu tiên cho riêng trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia thuộc Bộ KH&ĐT chỉ là một đơn vị trong rất nhiều trung tâm đổi mới sáng tạo ở nước ta.  |   |
| V  | <b>Các tập đoàn, doanh nghiệp</b>                           |   |  |   |
| 28 | <b>Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)</b> | <p>- Điều 12 (Quỹ đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia)</p> <p>- Chương II, mục 3 (Về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cá nhân, tổ chức hoạt động tại Trung tâm)</p> <p>- Điều 5 (Thị thực và lao động nước ngoài)</p> | <p><b>1. Về hoạt động của Quỹ đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia (Điều 12):</b></p> <p>Đề nghị bổ sung hoạt động tài trợ của Quỹ Đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia như sau:</p> <p>- Tài trợ cho hoạt động nghiên cứu phát triển, hoạt động sáng kiến ý tưởng, hoạt động sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao.</p> <p>Lý do: Doanh nghiệp chính là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm”. Việc tài trợ cho hoạt động nghiên cứu phát triển, hoạt động sáng kiến ý tưởng, hoạt động sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp sẽ thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ</p> | Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, tiếp thu và giải trình như đối với ý kiến của các cơ quan bên trên. |



| TT | Tên đơn vị | Nhóm các nội dung góp ý | Ý kiến góp ý   | Giải trình |
|----|------------|-------------------------|--|------------|
|    |            |                         | <p>và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Từ đó, thúc đẩy sự phát triển của hệ thống đổi mới sáng tại quốc gia.</p> <p><b>2. Về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cá nhân, tổ chức hoạt động tại Trung tâm (Mục 3 chương II)</b></p> <p>- Bổ sung chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu, thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Lý do: Nhằm khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp hoạt động tại Trung tâm triển khai thực hiện các chương trình, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.</p> <p><b>3. Về thị thực và lao động nước ngoài (Điều 5)</b></p> <p>Trong 2 phương án đã nêu trong dự thảo Nghị định, đề nghị lựa chọn phương án 2. Cụ thể:</p> <p>“2. Người lao động nước ngoài không thuộc diện phải đề nghị cấp giấy phép lao động trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có hợp đồng lao động với Trung tâm;</p> <p>b) Có hợp đồng lao động với các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ cho Trung tâm và thực hiện công việc liên quan trực tiếp đến các hoạt động của Trung tâm;</p> <p>c) Có hợp đồng lao động với các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động tại cơ sở của Trung tâm;</p> <p>d) Trình tự, thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài</p> |            |

| TT | Tên đơn vị                                    | Nhóm các nội dung góp ý   | Ý kiến góp ý   | Giải trình  |
|----|---|---|--|---|
|    |   |   | <p>không thuộc diện cấp giấy phép lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam”.</p> <p>Lý do: Phương án này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người lao động nước ngoài nhằm khuyến khích, thu hút lao động nước ngoài có trình độ cao đến làm việc tại Trung tâm.</p>  |   |
| 29 | Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</li> <li>- Khoản 5, Điều 14</li> <li>- Điều 18</li> </ul> | <p><b>* Đối với dự thảo Nghị định</b></p> <p>1. Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh):<br/>Theo quy định tại Điều 1: phạm vi điều chỉnh của Dự thảo bao gồm các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với: (i) Trung tâm; (ii) Tổ chức và cá nhân hoạt động tại Trung tâm và (iii) các đối tác của Trung tâm.</p> <p>Tuy nhiên, nội dung Dự thảo hiện nay chỉ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm và các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Trung tâm (không quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với đối tác của Trung tâm). Do đó đề xuất Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định để đảm bảo thống nhất các quy định trong dự thảo.</p> <p>2. Điều 14 (Khoản 5):<br/>Dự thảo nghị định quy định "Cá nhân tổ chức hoạt động tại</p> | Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, tiếp thu và giải trình như đối với ý kiến của các cơ quan bên trên. |

| TT | Tên đơn vị | Nhóm các nội dung góp ý | Ý kiến góp ý  | Giải trình |
|----|------------|-------------------------|---|------------|
|    |            |                         | <p>trung tâm được ưu tiên xét chọn tham gia các chương trình hoạt động tài trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của Trung tâm". Tuy nhiên, quy định này còn chưa cụ thể về các ưu tiên mà cá nhân và tổ chức sẽ được hưởng. Đề xuất Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định làm rõ hơn những ưu tiên này để đảm bảo minh bạch và thu hút nhiều hơn sự tham gia của các cá nhân, tổ chức vào các chương trình của Trung tâm.</p> <p><b>3. Điều 18 (Điều khoản thi hành):</b></p> <p>Để phù hợp với quy định khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định khoản 1 Điều 18 như sau:</p> <p><i>“Điều 18. Điều khoản thi hành</i></p> <p><i>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng năm 20... và thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia”.</i></p> |            |



Ký bởi: Bộ Khoa học và Công nghệ  
Email: bkhn@most.gov.vn  
Cơ quan: Bộ Khoa học và Công nghệ  
Ngày ký: 02-10-2024 18:24:39 +07:00

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3164/BKHCN-ĐMST

V/v ý kiến đối với dự thảo Nghị định  
thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) có ý kiến như sau:

### **I. Ý kiến chung**

Ngày 09/4/2024, Bộ KH&CN đã có Công văn số 1169/BKHCN-PTTTDN góp ý hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, theo đó Bộ KH&CN ủng hộ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP và đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan xác định phạm vi, đối tượng, nội dung của Nghị định chỉ điều chỉnh đối với riêng Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC) trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các đối tượng và phạm vi điều chỉnh chung của hệ thống đổi mới sáng tạo (ĐMST) quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (KNST) quốc gia, hệ thống các trung tâm ĐMST, trung tâm KNST trên phạm vi cả nước sẽ được quy định trong Nghị định do Bộ KH&CN chủ trì soạn thảo để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp nguyên tắc quản lý nhà nước tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP và Nghị định số 101/2020/NĐ-CP; chức năng, nhiệm vụ Chính phủ giao Bộ KH&CN tại Nghị định số 28/2023/NĐ-CP.

### **II. Về hồ sơ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP**

#### **1. Đối với dự thảo Tờ trình**

##### **1.1 Đối với nội dung về sự cần thiết ban hành nghị định (mục I của dự thảo Tờ trình)**

Dự thảo Tờ trình cơ bản đã bám sát theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Để đảm bảo tính đầy đủ, tổng quát đối với việc xây dựng dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp, phân tích bổ sung cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn thể hiện sự cần thiết, cấp bách cần phải xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ Chính phủ giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; bổ sung đánh giá, phân tích kết quả đạt được và hạn chế, tồn tại từ khi NIC triển khai thực hiện Nghị định số 94/2020/NĐ-CP đến thời điểm đề xuất xây dựng Nghị định thay thế.

##### **2. Đối với quá trình xây dựng dự thảo Nghị định (mục III của dự thảo Tờ trình)**

Ngày 18/6/2024 Văn phòng Chính phủ có Công văn số 4249/VPCP-KTTH

về việc đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, trong đó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng quyết nghị của Chính phủ tại Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 05/6/2024.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung trong Tờ trình về việc thành lập (hoặc rà soát, kiện toàn) và các hoạt động của Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định và tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định<sup>1</sup>.

### 3. Đối với nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định (mục IV.2 của dự thảo Tờ trình)

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung, làm rõ các căn cứ pháp lý và thực tiễn để làm cơ sở cho việc đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội đối với các đối tượng trong phạm vi điều chỉnh của Nghị định; đồng thời làm rõ, cụ thể hóa các kết quả đã đạt được trong thời gian qua, các mục tiêu/chỉ tiêu/hiệu quả đạt ra trong giai đoạn tới của các đối tượng trong phạm vi điều chỉnh của Nghị định để thuyết minh cho đề nghị được thụ hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi.

## II. Đối với dự thảo Nghị định

### 1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ

Việc sửa đổi các từ ngữ tại Điều 1, khoản 3 Điều 2 của dự thảo Nghị định từ *“đối tác hỗ trợ đổi mới sáng tạo của Trung tâm”* thành *“đối tác của Trung tâm”* làm thay đổi bản chất, mở rộng phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định. Đồng thời, việc giải thích từ ngữ tại khoản 3 Điều 3 của dự thảo Nghị định quy định *“đối tác của Trung tâm là các tổ chức, cá nhân có ký kết thỏa thuận hợp tác với Trung tâm nhằm hỗ trợ triển khai các chương trình, dự án, hoạt động thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, hỗ trợ Trung tâm thực hiện các chức năng được giao”* làm mở rộng các đối tượng có thể được hưởng chính sách ưu đãi, dẫn đến có thể ưu đãi không đúng đối tượng và gây bất bình đẳng với các tổ chức, cá nhân không có thỏa thuận hợp tác với NIC, ảnh hưởng đến tổng thể hệ thống ĐMST quốc gia, hệ sinh thái KNST quốc gia. Mặt khác, NIC là đơn vị sự nghiệp công lập, không phải là cơ quan quản lý nhà nước nên không có thẩm quyền đánh giá, công nhận các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật; và văn bản thỏa thuận hợp tác với NIC không phải là kết quả đầu ra của việc thực hiện các quy định về tiêu chí, điều kiện, thủ tục công nhận... để được hưởng ưu đãi.

Vì vậy, Bộ KH&CN đề nghị không sửa đổi các từ ngữ tại Điều 1, khoản 3 Điều 2 và giải thích từ ngữ tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 94/2020/NĐ-CP.

Hiện nay, Bộ KH&CN đang chủ trì xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định một số nội dung về ĐMST và KNST<sup>2</sup>. Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của

<sup>1</sup> Bộ KH&CN không có điều kiện được trao đổi, tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng dự thảo nên không có các thông tin liên quan.

<sup>2</sup> Nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 65/NQ-CP ngày 07/5/2024 của Chính phủ và Công văn số 4390/VPCP-KGVX ngày 24/6/2024 của Văn phòng Chính phủ.

các quy định pháp luật, cũng như phù hợp với nguyên tắc quản lý nhà nước và chức năng, nhiệm vụ được giao<sup>3</sup>, Bộ KH&CN đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nội dung cụ thể để chi điều chỉnh đối với riêng NIC như ý kiến đã nêu tại Công văn số 1169/BKH&CN-PTTĐN ngày 09/4/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ; đồng thời phối hợp nghiên cứu, xây dựng các quy định chung trong dự thảo Nghị định do Bộ KH&CN chủ trì soạn thảo để áp dụng thống nhất cho toàn bộ hệ thống ĐMST quốc gia, hệ sinh thái KNST quốc gia và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động ĐMST, KNST<sup>4</sup>.

## 2. Về ưu đãi cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động tại NIC

Dự thảo Nghị định quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ tổ chức, cá nhân hoạt động tại NIC nhưng chưa có các quy định về tiêu chí, điều kiện và hiệu quả hoạt động của các đối tượng này để được ưu đãi, hỗ trợ. Việc không quy định tiêu chí, điều kiện và hiệu quả hoạt động để xác định các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi đặc thù có thể dẫn đến nguy cơ gây bất bình đẳng với các tổ chức, cá nhân có năng lực và hiệu quả hoạt động tốt nhưng do điều kiện khách quan không thể thực hiện hoạt động tại NIC; điều này cũng tác động đến tổng thể hệ thống ĐMST quốc gia, hệ sinh thái KNST quốc gia.

Vì vậy, để bảo đảm tính khách quan, khả thi trong áp dụng pháp luật, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể về tiêu chí, điều kiện, hiệu quả hoạt động của các tổ chức, cá nhân hoạt động tại NIC để được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù.

## 3. Về quy định liên quan đến mức độ tự chủ của NIC

Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 2/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia có quy định: “Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia là đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư”. Tại khoản 3 Điều 4 và khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định NIC thực hiện các cơ chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định: “Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên hằng năm của Trung tâm đến năm 2030. Mức hỗ trợ căn cứ kết quả hoạt động hằng năm, định kỳ 3 năm và kết quả kiểm toán hằng năm của Trung tâm, theo hướng tăng dần tự chủ về kinh phí”.

Như vậy, các quy định liên quan đến mức độ tự chủ của NIC tại khoản 3 Điều

<sup>3</sup> Theo Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN, Bộ KH&CN là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động ĐMST, KNST và các hoạt động liên quan đến ĐMST, KNST (Điều 1 và khoản 9 Điều 2 Nghị định số 28/2023/NĐ-CP).

<sup>4</sup> Bộ KH&CN đã có Công văn số 2519/BKH&CN-ĐMST ngày 11/7/2024 gửi các cơ quan đề nghị cử thành viên tham gia Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định một số nội dung về ĐMST và KNST. Ngày 7/8/2024, Bộ KH&CN có công văn số 2938/BKH&CN-ĐMST gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (lần 2) để nghị cử đại diện tham gia Ban soạn thảo và Tổ biên tập của Nghị định. Đến nay, Bộ KH&CN chưa nhận được văn bản cử cán bộ tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4, khoản 1 Điều 10, khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định chưa thống nhất, chưa đồng bộ với nhau và với Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 2/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời cũng chưa đồng nhất với quan điểm, ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến cơ chế tự chủ khi sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập tại Công văn số 6392/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 12/7/2024<sup>5</sup>.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung thuyết minh, làm rõ căn cứ áp dụng cơ chế đề xuất trong dự thảo Nghị định và lấy ý kiến của các cơ quan liên quan đối với nội dung này, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

#### 4. Các ý kiến góp ý cụ thể đối với dự thảo Nghị định

4.1. Đối tượng điều chỉnh của Nghị định là NIC trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến NIC. Vì vậy, để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị định và tránh nhầm lẫn về đối tượng điều chỉnh của Nghị định bao gồm cả các Trung tâm cấp quốc gia khác do Thủ tướng Chính phủ thành lập<sup>6</sup>, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: *"Nghị định này quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đối mới sáng tạo Quốc gia được thành lập theo Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 02/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ..."*.

4.2. Đề nghị rà soát cơ sở pháp lý của các quy định về tiếp nhận và sử dụng các khoản tài trợ, tặng cho (Điều 8); quy định ưu tiên bố trí vốn đầu tư công, ngân sách nhà nước (khoản 1 Điều 11); quy định sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất (điểm a khoản 1 Điều 13) để bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành như Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Luật Đầu tư năm 2020, Luật Thủ đô năm 2024... và xin ý kiến của các cơ quan liên quan về nội dung này.

4.3. Về quy định thành lập Quỹ đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia (Điều 12): đề nghị không sử dụng cụm từ "Quốc gia" trong tên Quỹ do việc thành lập Quỹ này chỉ giới hạn trong phạm vi hoạt động của NIC, không mang tính đại diện, bao trùm cho hệ thống ĐMST quốc gia, hệ sinh thái KNST quốc gia. Đồng thời, đề nghị rà soát, làm rõ các cơ sở pháp lý về việc thành lập, tổ chức hoạt động để đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến loại hình

<sup>5</sup> Tóm tắt ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Việc sắp xếp lại đơn vị sự nghiệp công lập đang tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên, sau khi tổ chức lại sẽ thực hiện mức độ tự chủ tài chính bảo đảm một phần chi thường xuyên với lộ trình tiến tới đơn vị có mức độ bảo đảm chi thường xuyên là chưa phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và mục tiêu giảm chi trực tiếp từ ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>6</sup> Mỗi trung tâm cấp Quốc gia chỉ có thể tập trung hoạt động trong một hoặc một số lĩnh vực cụ thể, không thể hoạt động trong tất cả các lĩnh vực (NIC hiện cũng đang tập trung cho khoảng 8-9 lĩnh vực). Chủ trương phát triển hệ thống các trung tâm cấp quốc gia đã được khẳng định tại nhiều văn bản chỉ đạo, như: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định "... đẩy nhanh thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, trước mắt tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh"; Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022) cũng khẳng định một giải pháp cần triển khai là "Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo";...

Quy và xin ý kiến của các cơ quan liên quan về nội dung này.

4.4. Khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định quy định: “*Căn cứ thực tế từng thời kỳ, giai đoạn phát triển kinh tế xã hội, Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng một phần hoặc toàn bộ cơ chế, chính sách quy định tại Nghị định này đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo khác*”.

Đề nghị bỏ điểm b khoản 2 Điều 17 và viết lại điểm c khoản 3 Điều 17 dự thảo Nghị định<sup>7</sup> như sau: “Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan trình Chính phủ xem xét, quyết định các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này” để đảm bảo thống nhất trong quản lý nhà nước về ĐMST, KNST đã được Chính phủ giao Bộ KH&CN tại Điều 1 và khoản 9 Điều 2 Nghị định số 28/2023/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với hồ sơ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, kính chuyển Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị: PTTĐN, VPB, TCCB, PC, KHTC, UDCN, SHTT, TĐC;
- Lưu: VT, ĐMST.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG



Hoàng Minh

<sup>7</sup> Khoản 3 Điều 17 dự thảo Nghị định chỉ có điểm a và điểm c, không có điểm b.



**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4809/BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định thay thế  
Nghị định số 94/2020/NĐ-CP  
ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định  
cơ chế, chính sách ưu đãi đối với  
Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (sau đây gọi chung là dự thảo Nghị định), Bộ Tư pháp có ý kiến sơ bộ như sau:

**1. Về sự cần thiết ban hành Nghị định**

Ngày 21/8/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 94/2020/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, qua 04 năm triển khai thực hiện, các quy định tại Nghị định số 94/2020/NĐ-CP đã đi vào thực tiễn, giúp xây dựng hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Việt Nam; bước đầu tạo lập, dẫn dắt và kết nối hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành, địa phương và doanh nghiệp. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Nghị định đã phát sinh một số nội dung đòi hỏi phải nghiên cứu, xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP với các lý do đã được nêu tại dự thảo Tờ trình<sup>1</sup>. Trong trường hợp đó và thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Thông báo số 75/TB-VPCP ngày 16/3/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi thăm và làm việc tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia; chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại Công văn số 4249/VPCP-KTTH ngày 18/6/2024 của Văn phòng Chính phủ, việc Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP là có cơ sở.

Tuy nhiên, trong nội dung dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát đánh giá kỹ tác động của các quy định đối với các đối tượng khác nhau của Nghị định, đặc biệt là đối tượng được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi trực tiếp tại dự thảo Nghị định, điều kiện bảo đảm, nguồn lực thực thi khi ban hành Nghị định... để có cơ sở trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

<sup>1</sup> Trang 01-03 dự thảo Tờ trình kèm theo Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đồng thời, Quý Bộ cần đánh giá, tổng kết quá trình thực hiện Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, xác định đúng và trúng các vướng mắc, bất cập (do quy định của pháp luật hay do tổ chức thi hành pháp luật), từ đó đề xuất hướng xây dựng Nghị định mới thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, từ đó bảo đảm giải quyết toàn diện các vướng mắc, bất cập hiện nay, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Ngân sách nhà nước... và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng thẩm quyền của Chính phủ.

## 2. Về nội dung của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định có nhiều cơ chế, chính sách vượt trội nhằm tạo thuận lợi trong quá trình hoạt động cũng như khuyến khích phát triển Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (sau đây gọi tắt là NIC) và tổ chức, cá nhân hoạt động tại NIC, như: ưu đãi về thị thực và lao động nước ngoài; tín dụng đầu tư; thuế; đất đai; đấu thầu; đăng ký doanh nghiệp; sở hữu trí tuệ... Tuy nhiên, về nguyên tắc, việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải *“bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật”* (khoản 1 Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020). Để đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp trong hệ thống pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát tổng thể nội dung của dự thảo Nghị định với Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15), Luật Quản lý thuế năm 2019, Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15), các văn bản quy định chi tiết của các Luật này và các văn bản khác có liên quan bảo đảm trong phạm vi thẩm quyền của Chính phủ theo nguyên tắc không được quy định trái luật; các quy định khác với các Nghị định thì báo cáo rõ Chính phủ. Dự thảo Nghị định xây dựng theo trình tự, thủ tục tại khoản 2 Điều 19, Điều 84 đến Điều 89 (lập đề nghị xây dựng Nghị định) và Điều 90 đến Điều 94 (xây dựng dự thảo Nghị định) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) cần bám sát các chính sách đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc thêm một số vấn đề sau:

2.1. Về nguyên tắc thụ hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với NIC và tổ chức, cá nhân hoạt động tại NIC theo quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc: *“Trung tâm được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất và các thủ tục hành chính thuận lợi nhất; các tổ chức, cá nhân được Trung tâm lựa chọn hoạt động tại các cơ sở của Trung tâm được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất và các thủ tục hành chính thuận lợi nhất theo quy định của pháp luật...”* và khoản 6 Điều 4 dự thảo Nghị định: *“Các tổ chức, cá nhân hoạt động tại các cơ sở của Trung tâm được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất và các thủ tục hành chính thuận lợi nhất...”*. Đề

ng nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có đánh giá, giải trình cụ thể tại Tờ trình về các chính sách ưu đãi cao nhất là gì? Các thủ tục hành chính thuận lợi nhất là gì? Việc quy định như vậy có thể trở thành rào cản pháp lý cho việc hoạch định chính sách ưu đãi cho các chủ thể khác trong tương lai cũng như không đảm bảo tính thống nhất, ổn định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, làm rõ các nội dung trên để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: “*Trung tâm được thực hiện cơ chế tự chủ áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư...*”. Theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 02/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia thì Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định: “*Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Trung tâm đến năm 2030. Mức hỗ trợ căn cứ vào kết quả hoạt động hàng năm, định kỳ 03 năm và kết quả kiểm toán hàng năm của Trung tâm, theo hướng tăng dần tự chủ về kinh phí*”. Do đó, cần căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập về “*Phân loại mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công*” để xếp loại đơn vị sự nghiệp công lập đối với NIC tương ứng. Hiện nay, nội dung quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 2 Điều 11 là không thống nhất, chưa phù hợp với Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 02/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các nội dung nêu trên tại dự thảo Nghị định; từ đó, đưa ra quy định phù hợp, khả thi, đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

2.3. Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định: “*Người nước ngoài được xem xét cấp thị thực nhập cảnh có giá trị sử dụng nhiều lần và thời hạn phù hợp với thời gian làm việc trực tiếp tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Công an*”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến của Bộ Công an và rà soát về tính hợp lý, khả thi của quy định cấp thị thực nhập cảnh có giá trị sử dụng nhiều lần, đảm bảo không ảnh hưởng đến quản lý nhà nước, thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh.

Tại phương án 01, khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định: “*Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài làm việc tại Trung tâm được cấp giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn*”. Khoản 3 Điều 3 Luật Quốc tịch năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định: “*Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người*

*gốc Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài*” và khoản 4 Điều 3 Luật Quốc tịch quy định: “*Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài là người Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống và con, cháu của họ đang cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài*”. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định tại phương án 01 của khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định về việc sử dụng thuật ngữ “*Người Việt Nam định cư ở nước ngoài*” hay “*Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài*” để phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với phương án 02, điểm d khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định về nguyên tắc liên quan đến việc cấp phép cho người lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam đã được quy định tại Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023); trong đó, không quy định về việc “*cấp giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn*”. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, có quy định phù hợp, khả thi, đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Ngoài ra, tại phương án 02, điểm b khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định người lao động nước ngoài có hợp đồng với các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ cho Trung tâm và thực hiện công việc liên quan trực tiếp đến các hoạt động của Trung tâm không thuộc diện phải đề nghị cấp giấy phép lao động là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định việc mở rộng đối tượng không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định này, tránh lạm dụng, tạo kẽ hở trong việc quản lý, sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và có đánh giá cụ thể đến việc bảo đảm an ninh, an toàn, trách nhiệm của cơ quan quản lý lao động nước ngoài trong trường hợp này và tính hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2.4. Khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định: “*Trung tâm được thuê đất trong thời hạn 50 năm và được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời gian thuê*” là chưa phù hợp với Điều 157 Luật Đất đai 2024 về “*Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất*” và Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, có quy định phù hợp đảm bảo tính đồng

bộ, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định quy định: *“Trung tâm không thuộc đối tượng nộp tiền thuê đất trong trường hợp sử dụng tài sản gắn liền với đất để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết”* là chưa phù hợp với Điều 30, Điều 120, Điều 157 của Luật Đất đai năm 2024. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ các quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với Luật đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan đảm bảo tính hợp pháp, thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và tính khả thi khi ban hành, tránh lãng phí nguồn lực, thất thoát tài sản của nhà nước.

2.5. Khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định: *“Trung tâm được tiếp nhận và sử dụng các khoản tài trợ, tặng cho của các tổ chức, cá nhân trong nước... để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, chi thường xuyên, hỗ trợ hoạt động công tác quản lý, vận hành của Trung tâm”* và khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định: *“Các khoản tài trợ và phần lãi tiền gửi các khoản tài trợ được quản lý theo cơ chế là nguồn thu hợp pháp của Trung tâm, không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước”*. Theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước thì thu ngân sách nhà nước bao gồm *“Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước”*. Vì vậy, các *“khoản tài trợ, tặng cho”* đang được quy định tại Nghị định thuộc nguồn thu Ngân sách nhà nước. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, có quy định phù hợp đối với việc tiếp nhận và sử dụng các khoản tài trợ, tặng cho đảm bảo phù hợp với pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

2.6. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định tại Điều 9 dự thảo Nghị định quy định *“về ưu đãi thuế”* đối với NIC, cơ sở của NIC tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc với các quy định của pháp luật về thuế, đầu tư và các quy định pháp luật khác có liên quan. Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc về việc đề xuất ưu đãi thuế để hỗ trợ phát triển NIC và các tổ chức, cá nhân hoạt động tại NIC, do điểm 3 mục III Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 08/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững đã đặt ra yêu cầu hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế. Bên cạnh đó, hiện nay Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp, lấy ý kiến Bộ Tài chính để có hướng xử lý đồng bộ, hợp lý, đúng quy định của pháp luật và các chủ trương của Đảng và Nhà nước; đồng thời, có bổ sung giải trình phù hợp về các quy định này tại dự thảo Tờ trình.

2.7. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có đánh giá về sự cần thiết, mục đích, mục tiêu, tính hiệu quả của việc thành lập Quỹ Đầu tư, hỗ trợ, đổi mới sáng tạo Quốc gia (Điều 12 dự thảo Nghị định). Hiện nay, đã có nhiều Quỹ với mục tiêu tương tự như: Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển Khoa học công nghệ Quốc gia, Quỹ phát triển khoa học công nghệ của các bộ, ngành, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (cho vay, tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo)... Đồng thời, theo quy định tại khoản 11 Điều 8 Luật ngân sách năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2020) quy định: “*Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước*”. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần nhắc tính khả thi, nguồn lực bảo đảm khi thành lập Quỹ Đầu tư, hỗ trợ, đổi mới sáng tạo Quốc gia và rà soát các quy định của pháp luật có liên quan, từ đó lựa chọn phương án khả thi, đúng quy định của pháp luật, tránh trùng lặp, chồng chéo giữa các Quỹ đầu tư gây lãng phí nguồn lực, tài sản của Nhà nước.

2.8. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Nghị định, trong đó, đối với những quy định tại dự thảo Nghị định khác với quy định hiện hành nhưng thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá rõ tác động và hiệu quả của các quy định này. Trong mọi trường hợp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần có rà soát pháp luật để đề xuất chính sách trong dự thảo Nghị định được thống nhất, hợp lý, khả thi, đúng thẩm quyền của Chính phủ.

2.9. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát về tên gọi của Nghị định, do tên gọi hiện nay: “*Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia*” đang hẹp hơn so với phạm vi điều chỉnh của Nghị định bao gồm cả “*cơ chế, chính sách ưu đãi đối với tổ chức và cá nhân hoạt động tại Trung tâm và các đối tác hỗ trợ đổi mới sáng tạo của Trung tâm*”. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đảm bảo việc quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các chủ thể khác ngoài NIC phù hợp với pháp luật và đúng thẩm quyền của Chính phủ.

2.10. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định chuyển tiếp (nếu có) để tránh những vướng mắc trong thực tiễn.

2.11. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo văn bản để đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng,

tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật” - Mục 3); (iii) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

### **3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục trình bày văn bản**

**3.1.** Đề nghị hoàn thiện dự thảo Nghị định về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ).

**3.2.** Trong quá trình xây dựng Nghị định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Theo quy định tại Điều 91 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), trong quá trình soạn thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị định phải lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, bao gồm Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo; tổ chức lấy ý kiến đối tượng bị tác động, chuyên gia, người làm thực tiễn và các bộ, ngành liên quan, ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp; tiếp thu, giải trình đầy đủ, hợp lý (và chịu trách nhiệm về vấn đề này); từ đó, hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ kèm theo.

**3.3.** Theo khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định bao gồm: Tờ trình Chính phủ về dự thảo nghị định; Dự thảo nghị định; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo nghị định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị định quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 của Luật này; bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo, nếu trong dự thảo có quy định thủ tục hành

chính; báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 94/2020/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nêu trên (cả về thành phần hồ sơ, nội dung và hình thức theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP) trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

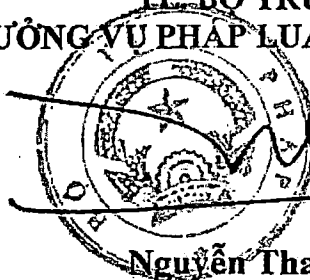
Ngoài ra, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lập bảng so sánh gồm: (1) Nội dung điều, khoản của Nghị định số 94/2020/NĐ-CP; (2) Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế của dự thảo Nghị định; (3) Lý do sửa đổi, bổ sung, thay thế và cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về việc góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tham khảo, tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định và hồ sơ, tài liệu có liên quan theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Trần Tiến Dũng (để b/c);
- PVT. Cao Đăng Vinh (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT  
(LĐ&ASXH (Tùng)).

TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



Nguyễn Thanh Tú





**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11042/BTC-HCSN  
V/v góp ý dự thảo Nghị định  
thay thế Nghị định số  
94/2020/NĐ-CP.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Tài chính nhận được các công văn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024; số 6859/BKHĐT-TTĐMST ngày 27/8/2024 đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP; Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

**1. Về sự cần thiết và căn cứ pháp lý xây dựng dự thảo Nghị định**

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KHĐT), ngoài căn cứ pháp lý là các Nghị quyết của Đảng, Bộ Chính trị, thực tiễn triển khai Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia phát sinh một số bất cập ảnh hưởng tới hoạt động đổi mới sáng tạo của Trung tâm như: (i) thiếu cơ chế, chính sách để tạo đột phá đối với mô hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động đổi mới sáng tạo tại Trung tâm; (ii) chưa có cơ chế, chính sách đặc thù để tạo điều kiện vận hành hiệu quả Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia; (iii) chưa có cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các trung tâm đổi mới sáng tạo khác có sự kết nối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Tuy nhiên, nội dung báo cáo của Bộ KHĐT chưa trình bày rõ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức hoạt động của Trung tâm dẫn đến các bất cập nêu trên. Vì vậy, đề nghị Bộ KHĐT rà soát bổ sung báo cáo về sự cần thiết để làm cơ sở đề xuất Chính phủ xem xét ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP đảm bảo đúng quy định và phù hợp với thực tiễn.

**2. Đối với nội dung dự thảo Nghị định**

(1) Tại Điều 1 và khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định, Bộ KHĐT dự thảo:

**“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (sau đây gọi tắt là Trung tâm) được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ~~được thành lập theo Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ...~~

**Điều 4. Cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích phát triển chung**

**3. Trung tâm được thực hiện cơ chế tự chủ áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Ngoài ra, Trung tâm được thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù riêng quy định tại Nghị định này”**

Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 02/10/2019 về việc thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia. Trong đó Điều 1 đã quy định: Thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư...

Theo đó, đề nghị Bộ KHĐT không bổ sung nội dung khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định và giữ nguyên nội dung Điều 1 Nghị định số 94/2020/ND-CP đối với nội dung Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia được thành lập theo Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp cần có quy định đặc thù riêng cho Trung tâm, đề nghị Bộ KHĐT chịu trách nhiệm làm rõ và báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật.

(2) Đề nghị sửa đổi khoản 6 Điều 4 dự thảo Nghị định “Các tổ chức, cá nhân hoạt động tại các cơ sở của Trung tâm được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi ~~cao nhất~~ và các thủ tục hành chính ~~thuận lợi nhất~~ theo quy định của pháp luật; được ưu tiên hỗ trợ từ các chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của các bộ, ngành, địa phương”

(3) Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 6 “1. Dự án đầu tư của cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tại Trung tâm và dự án đầu tư của Trung tâm thuộc đối tượng, nằm trong danh mục các dự án được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, ~~đáp ứng đầy đủ các điều kiện được hưởng các ưu đãi vay vốn thì được vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của pháp luật~~”.

Lý do: Hiện nay, chính sách cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước, Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ, trong đó đã quy định cụ thể các đối tượng vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước (gồm: Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp tự chủ về tài chính và tổ chức kinh tế khác) không bao gồm cho vay cá nhân.

(4) Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 6 “2. Trung tâm, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tại Trung tâm được nhận tài trợ, hỗ trợ, vay vốn và bảo lãnh vốn vay ~~từ các Quỹ tài chính nhà~~

*nước ngoài ngân sách Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và đầu tư phát triển, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các định chế tài chính theo quy định của pháp luật”.*

Lý do: Hiện nay có nhiều Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thực hiện chức năng cho vay, hỗ trợ, tài trợ, bảo lãnh vốn vay... như Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia...do đó, để tránh quy định vừa thừa vừa thiếu, tại dự thảo Nghị định nên sửa đổi như trên là đồng bộ và đầy đủ.

(5) Tại Điều 7 dự thảo Nghị định quy định các nội dung về cho thuê đất, nộp tiền thuê đất, kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, kinh doanh, liên kết chưa phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 2024, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản quy định chi tiết. Vì vậy, đề nghị Bộ KHĐT hoàn thiện lại Điều 7 dự thảo Nghị định theo hướng: Việc cho thuê đất; nộp tiền thuê đất; miễn, giảm tiền thuê đất; kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định tại pháp luật về đất đai năm 2024; việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, liên doanh, liên kết thực hiện theo quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

(6) Đối với nội dung Điều 8 dự thảo Nghị định:

- Về việc tiếp nhận và sử dụng các khoản tài trợ, tặng cho bằng tài sản chưa phù hợp với Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân. Vì vậy, đề nghị Bộ KHĐT sửa lại nội dung về việc xác lập sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

- Về tiếp nhận và sử dụng các khoản tài trợ, tặng cho bằng tiền

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước: “*Toàn bộ các khoản thu, chi ngân sách phải được dự toán, tổng hợp đầy đủ vào ngân sách nhà nước*”. Từ đó việc tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ bằng tiền cho trung tâm phải thực hiện việc lập dự toán cho khoản thu và chi tương ứng (tương tự như việc lập dự toán đối với khoản thu viện trợ).

Trung tâm đổi mới sáng tạo là đơn vị sự nghiệp công lập. Việc tiếp nhận, quản lý viện trợ cho cơ quan, tổ chức Việt Nam được quy định tại Luật Ngân sách nhà nước (Luật NSNN), Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và

vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; và các luật thuế liên quan. Theo đó, đối với các khoản viện trợ không hoàn lại cho nhà nước, chính phủ, chính quyền địa phương (bao gồm cả viện trợ cho các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc) thuộc phạm vi ngân sách nhà nước, phải hạch toán thu NSNN và chi NSNN (không có cơ sở quy định về việc không hạch toán, không xác lập tài sản sở hữu toàn dân, giám đốc trung tâm tự quyết định phê duyệt tại Điều 8 của dự thảo).

Đề nghị tách bạch rõ giữa tài trợ và viện trợ không hoàn lại của nước ngoài. do viện trợ không hoàn lại của nước ngoài được thực hiện theo cơ sở pháp lý riêng; quy trình quản lý riêng và được hưởng các ưu đãi về thuế đối với viện trợ không hoàn lại theo quy định pháp luật.

Đối với tiếp nhận viện trợ không hoàn lại của Trung tâm (nếu có) đề nghị quy định như sau:

*“Trường hợp Trung tâm đủ điều kiện được tiếp nhận viện trợ không hoàn lại, việc tiếp nhận viện trợ không hoàn lại nước ngoài của Trung tâm thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại”.*

(7) Về Điều 9 dự thảo Nghị định:

- Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (tại khoản 1, khoản 2): *“Trung tâm được miễn thuế hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định, hàng hóa nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu”* và *“Được miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất trong thời hạn 5 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất”.*

Đề nghị bỏ nội dung này với lý do: Pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành quy định hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sẽ được miễn thuế nhập khẩu. Trường hợp dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất. Các nội dung ưu đãi thuế này được quy định tại khoản 11, khoản 13 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2017/QH13, cụ thể:

"11. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị; linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị;

b) Phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án;

c) Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được.

Việc miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản này được áp dụng cho cả dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

13. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất."

Ngoài ra, tại khoản 21 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định miễn thuế đối với: "21. Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ".

Theo đó, để đảm bảo thống nhất, tránh trùng lặp với quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, đề nghị bỏ các nội dung liên quan đến chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nêu trên tại dự thảo Nghị định. Chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thực hiện theo quy định hiện hành.

- Về thuế Thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN): Thống nhất nội dung tại khoản 3: Trung tâm được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của pháp luật về thuế TNDN.

(8) Đề nghị Bộ KHĐT làm rõ cơ sở pháp lý để quy định nội dung khoản 1 Điều 11 trong dự thảo Nghị định: "**Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho Trung tâm để xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho Trung tâm để triển khai các chương trình, nhiệm vụ do Trung tâm thực hiện nhằm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp**".

(9) Về thành lập Quỹ Đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia tại Điều 12 dự thảo Nghị định: Trong trường hợp Quỹ này là Quỹ tài chính nhà nước

ngoài ngân sách có sử dụng nguồn kinh phí NSNN, đề nghị Bộ KHĐT cân nhắc bỏ.

Lý do:

+ Trong thời gian qua, để góp phần thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo Nhà nước đã ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong thực hiện hoàn thiện, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, trong đó có chính sách tín dụng ưu đãi thông qua: (i) các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách như: Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia (Quỹ NATIF), Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Quỹ NAFOTES) trực thuộc Bộ Khoa học và công nghệ, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (Quỹ SMEDF) trực thuộc Bộ KHĐT, (ii) Ngân hàng Phát triển Việt Nam...Do đó, việc thành lập Quỹ Đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia sẽ dẫn đến trùng lặp mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, gây khó khăn trong việc quản lý của nhà nước. Về cơ bản, các cơ chế, chính sách đã được ban hành đầy đủ và đồng bộ, trong khi nguồn lực NSNN còn rất hạn chế, sử dụng vốn NSNN cấp của nhiều Quỹ thời gian qua còn chưa thực sự hiệu quả, vốn nhàn rỗi gửi tại ngân hàng thương mại có Quỹ chiếm trên 90% tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

+ Theo báo cáo của Đoàn Giám sát Quốc hội (Báo cáo số 463/BC-ĐGS ngày 22/10/2019), cần xem xét, cân nhắc một cách thận trọng việc thành lập mới các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; việc thành lập mới các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN, tránh trường hợp thành lập quá nhiều quỹ theo quy định.

+ Theo Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 về tăng cường công tác quản lý đối với các Quỹ TCNN ngoài ngân sách, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo chi thành lập quỹ mới trong trường hợp thật cần thiết và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

+ Dự thảo Tờ trình Chính phủ chưa có báo cáo, giải trình cụ thể về: Sự cần thiết, cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc đề xuất thành lập Quỹ Đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia; cũng như chưa báo cáo rõ về mô hình tổ chức bộ máy, hoạt động, cơ chế quản lý tài chính của Quỹ...để các cấp có thẩm quyền có căn cứ xem xét, quyết định.

Trường hợp bắt buộc thành lập Quỹ, thì dự thảo Tờ trình Chính phủ cần báo cáo, giải trình thêm về: Sự cần thiết, cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc đề xuất thành lập Quỹ Đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia; báo cáo rõ về mô hình tổ chức bộ máy, hoạt động, cơ chế quản lý tài chính của Quỹ...; ngoài ra làm rõ nguồn gốc vốn góp của Trung tâm ĐMSTQG vào Quỹ (từ nguồn NSNN hay ngoài NSNN). Trường hợp Quỹ Đầu tư, hỗ trợ ĐMSTQG có vốn góp từ ngân sách nhà nước, đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, rà

soát để điều chỉnh các quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư vốn, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật liên quan.

Theo quy định tại khoản 11 Điều 8 Luật NSNN: "*Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chi thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước*". Vì vậy, việc hỗ trợ từ NSNN (nếu có) cho Quỹ thực hiện theo đúng quy định tại khoản 11 Điều 8 Luật NSNN.

(10) Liên quan đến ưu đãi đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động tại Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia: theo khoản 6 Điều 14 dự thảo Nghị định, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (nói chung) hoạt động tại các cơ sở hoạt động của Trung tâm là đối tượng được hưởng các nội dung hỗ trợ theo pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, chỉ các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (là các doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 20 Mục 2 Chương IV) mới được áp dụng các nội dung hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Như vậy, khoản 6 Điều 14 dự thảo Nghị định đang mở rộng đối tượng được áp dụng ưu đãi là chưa phù hợp với quy định pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đề nghị Bộ KII&ĐT rà soát, điều chỉnh cho phù hợp.

(11) Về khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định: Đề nghị ban soạn thảo cân nhắc nội dung này tránh trùng lặp với nội dung tại Điều 9. Trường hợp vẫn quy định nội dung này, đề nghị chỉnh sửa như sau: "*2. Được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế*".

(12) Về khoản 5 Điều 17 dự thảo Nghị định: đề nghị bỏ nội dung giao "*Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định ưu đãi về thuế TNDN áp dụng cho Trung tâm theo quy định tại khoản 3 Điều 7 và Luật thuế TNDN*". Lý do:

Ưu đãi thuế được quy định tại các Luật thuế và thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Chính sách ưu đãi thuế hiện hành áp dụng thống nhất trên cả nước, bình đẳng giữa các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, không phân biệt giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Các Luật thuế hiện hành đã quy định ưu đãi ở mức cao nhất trong khuôn khổ pháp luật về thuế đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ, công nghệ cao. Trường hợp Trung tâm Đổi mới sáng tạo đáp ứng các điều kiện ưu đãi về lĩnh vực (khoa học

và công nghệ, công nghệ cao ...) hoặc địa bàn ưu đãi thuế theo quy định thì được hưởng ưu đãi thuế tương ứng.

Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị đã đưa ra chủ trương hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng *bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, bao đảm tính trung lập của thuế, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, điều tiết thu nhập hợp lý*. Đồng thời, tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí như sau: *Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế...*

Hiện nay, thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tài chính đã và đang thực hiện nghiên cứu, rà soát, đánh giá tổng thể các Luật thuế (trong đó có Luật thuế TNDN) để báo cáo Chính phủ, UBTVQH, Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 cũng như điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước, bám sát các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên. Trong quá trình nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi các Luật thuế (trong đó có Luật thuế TNDN), Bộ Tài chính sẽ tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương.

### **(13) Một số nội dung khác**

- Đề nghị bỏ căn cứ là Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) ngày 03/6/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN ngày 19/6/2023, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26/11/2014. Lý do: Tại dự thảo Nghị định chỉ quy định chung thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế TNDN.

- Theo Luật Đầu tư năm 2020, Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia là đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt (điểm a khoản 2 Điều 20). Đồng thời Luật Đầu tư năm 2020 cũng quy định các hình thức hỗ trợ đầu tư đặc biệt (khoản 1 Điều 18) và các trường hợp không áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc



biệt (khoản 5 Điều 20). Do đó, đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, rà soát cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm ĐMSTQG để đảm bảo đồng bộ, phù hợp với Luật Đầu tư 2020 và các văn bản pháp luật liên quan.

- Theo dự thảo Tờ trình Chính phủ của Bộ KHĐT, một trong các cơ sở pháp lý xây dựng, ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP là đề hướng dẫn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư “Nhà đầu tư nước ngoài không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi thành lập DNNVV KNST và quỹ đầu tư KNST theo quy định của pháp luật về hỗ trợ DNNVV”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa quy định về nội dung này nên đề nghị Bộ KH&ĐT nghiên cứu bổ sung cho phù hợp.

- Bổ nội dung “Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Trung tâm đến năm 2030...” tại khoản 2 Điều 11 và nội dung “Bộ Tài chính hướng dẫn quy định về hỗ trợ kinh phí thường xuyên cho Trung tâm” tại khoản 5 Điều 17 dự thảo Nghị định; đề nghị Bộ KHĐT đề xuất cơ chế đúng theo quy định hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên cho đơn vị sự nghiệp công lập được phân loại mức tự chủ tài chính thuộc loại 1 và loại 2.

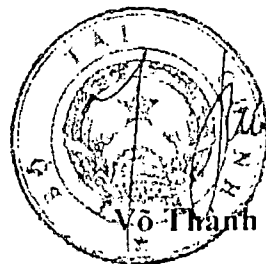
- Bổ sung quy định việc bãi bỏ Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ vào Điều 18 dự thảo Nghị định.

Bộ Tài chính có ý kiến góp ý gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Cục: QL&TCĐN; Cục QL. GSCST. P&LP; QI.CS; TCDN;
- Các Vụ: NSNN, ĐT, TCNH&TCTC;
- Lưu: VT, HCSN (04 b). *le*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Võ Thanh Hưng*

Số: 4835 /BNV-TCBC

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định thay  
thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Văn bản số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định), Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

### **1. Về sự cần thiết xây dựng Nghị định**

Bộ Nội vụ thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sự cần thiết xây dựng, trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia; qua đó tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo cơ sở pháp lý cho Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia hoạt động hiệu quả và phát triển. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, làm rõ trong dự thảo Tờ trình về căn cứ đề xuất xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP thay vì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

### **2. Về dự thảo Nghị định**

#### **a) Góp ý chung**

- Nghị định quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (sau đây viết tắt là Trung tâm), vì vậy cơ chế, chính sách tại dự thảo Nghị định cần hoàn thiện theo hướng đối tượng của chính sách là Trung tâm với tư cách là một không gian, một thiết chế để thu hút đầu tư, không phải với tư cách là một bộ máy quản lý. Theo đó, đề nghị rà soát, bảo đảm tính nhất quán của nội hàm chính sách trong dự thảo Nghị định.

- Về việc xác định đối tượng áp dụng của Nghị định, đề nghị rà soát, bám sát mục tiêu, quan điểm thành lập, phạm vi hoạt động của Trung tâm; đồng thời rà soát toàn bộ các nội dung của dự thảo Nghị định cho phù hợp, thống nhất.

- Để có cơ sở sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, đề nghị đánh giá, làm rõ các vướng mắc, bất cập, hạn chế khi thực hiện Nghị định số 94/2020/NĐ-CP trong thời gian qua, thực tiễn hiện nay đặt ra yêu cầu sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật như thế nào để hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực đổi mới sáng tạo. Đồng thời, đề nghị đánh giá tổng thể vai trò, mối quan hệ của Trung tâm và các đối tác để xác định

rõ đối tượng hoạt động tại Trung tâm, nhu cầu của các đối tượng này và khả năng hỗ trợ của Trung tâm, vướng mắc về mặt pháp lý thuộc trách nhiệm xử lý của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực. Đối với những nội dung bổ sung mới, đề nghị làm rõ căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn. Ngoài ra, đối với các vấn đề chung và đã có quy định, đề nghị thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành.

b) Về cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích phát triển chung (Điều 4 dự thảo Nghị định)

- Về khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị định, đề nghị đánh giá rõ tác động, nhu cầu thực tiễn, cơ chế chính sách và nguồn lực để đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý cơ sở lưu trú (sử dụng nguồn lực đầu tư công hay nguồn lực xã hội hóa)..., bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và hiệu quả, khả thi, tiết kiệm.

- Về khoản 5 Điều 4 dự thảo Nghị định, đề nghị làm rõ sự cần thiết hình thành quỹ đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp (với tính chất là nguồn lực đầu tư, hỗ trợ, không hình thành tổ chức mới để quản lý quỹ), bảo đảm phù hợp với chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế; theo đó, xây dựng cơ chế để sử dụng nguồn lực tài chính của quỹ này đối với từng đối tượng cho phù hợp.

Hiện nay, các nguồn lực của nhà nước về đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo quốc gia đang được tập trung cho Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia; cơ chế, chính sách hỗ trợ, đối tượng, dự án, nhiệm vụ khoa học ưu tiên được thực hiện theo cơ chế của Quỹ. Vì vậy, trường hợp có nguồn để hình thành quỹ về đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo thì đề nghị nghiên cứu, tập trung về một đầu mối để quản lý, bảo đảm chính sách hỗ trợ đầu tư đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học và công nghệ thống nhất, nguồn lực tập trung, có trọng tâm, trọng điểm.

Từ các vấn đề nêu trên, đề nghị bỏ quy định tại Điều 12 cho thống nhất.

c) Về tiếp nhận và sử dụng các khoản tài trợ, tặng cho (Điều 8 dự thảo Nghị định)

Đề nghị rà soát, làm rõ cơ sở đề xuất chính sách, bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

d) Về chính sách về tuyển dụng (Điều 10 dự thảo Nghị định)

- Đề nghị không quy định khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định vì đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được tự quyết định số lượng người làm việc, còn quy trình tuyển dụng, tiêu chuẩn viên chức, cơ chế quản lý viên chức thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức.

- Đề nghị rà soát lại khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về tuyển dụng, bổ nhiệm người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, chỉ bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập, không bổ nhiệm lao động hợp đồng.

đ) Về cung cấp dịch vụ (Điều 13 dự thảo Nghị định)

Đề nghị rà soát các dịch vụ, bảo đảm phù hợp với quy định về tên gọi dịch vụ sự nghiệp công theo từng ngành, lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ quyết định, tiêu chuẩn dịch vụ, điều kiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công... theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

e) Về tổ chức thực hiện (Điều 17 dự thảo Nghị định)

- Nội dung quy định về tổ chức thực hiện chỉ quy định các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp của các bộ, ngành, cơ quan có liên quan; không quy định nhiệm vụ cụ thể của các tổ chức, đơn vị thuộc các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp (ví dụ như điểm a khoản 3, điểm c khoản 7 Điều 17 dự thảo Nghị định). Vì vậy, đề nghị rà soát, biên tập lại cho phù hợp.

- Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (khoản 7 Điều 17 dự thảo Nghị định), đề nghị làm rõ các nhiệm vụ chủ trì, các nhiệm vụ phối hợp, làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ.

g) Về hiệu lực thi hành (Điều 18 dự thảo Nghị định)

Đề nghị bổ sung nội dung quy định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP và thời điểm hết hiệu lực của Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, các quy định chuyển tiếp (nếu có).

h) Về một số nội dung khác

Thực hiện Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 10/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc từ Bộ Khoa học và Công nghệ về Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, trước mắt rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bên trong Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc, bảo đảm đáp ứng tiêu chí thành lập tổ chức, số lượng cấp phó của người đứng đầu theo quy định; về lâu dài sẽ xây dựng phương án để thống nhất đầu mối tổ chức quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội, bảo đảm tinh gọn đầu mối theo yêu cầu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Do đó, đề nghị rà soát, biên tập lại các nội dung liên quan đến Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc cho phù hợp.

### 3. Về dự thảo Tờ trình

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nội vụ và các bộ, ngành có liên quan, đề nghị hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ theo quy định. Ngoài ra:

- Đề nghị bỏ quan điểm xây dựng Nghị định tại gạch đầu dòng thứ 4 và thứ 5 mục 2 phần II dự thảo Tờ trình; đồng thời, đề nghị rà soát lại tất cả các điều, khoản trong dự thảo Nghị định, không quy định lại các nội dung đã quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác, trường hợp cần thiết thì dẫn chiếu đến quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Đề nghị làm rõ việc xây dựng và triển khai Nghị định không phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, bảo đảm phù hợp với chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế của Đảng và pháp luật hiện hành.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ về dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Trương Hải Long;
- Lưu: VT, TCBC.



**Trương Hải Long**



Ký bởi: Bộ Ngoại giao  
Email: ttll.mfa@mofa.gov.vn  
Ngày ký: 07-08-2024 10:43:22 +07:00

**BỘ NGOẠI GIAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: 4087/BNG-THKT

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v góp ý dự thảo Nghị định thay thế  
Nghị định số 94/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/07/2024 của Quý Bộ về việc góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, trong phạm vi phụ trách, Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định và có một số ý kiến như sau:

1. Đổi mới sáng tạo là một động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội. Việc xây dựng nghị định sẽ góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý để nâng cao vai trò đầu tàu dẫn dắt về đổi mới sáng tạo của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, góp phần thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

Trong xu thế thu hút đầu tư thành lập các Trung tâm Đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển (R&D) hiện nay, đề nghị cân nhắc hình thành khuôn khổ chính sách ưu đãi chung cho các trung tâm này, góp phần tạo hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phát triển năng động và gắn kết chặt chẽ với Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Quốc gia là trung tâm.

2. Một số ý kiến góp ý, cụ thể:

- Về hồ sơ dự thảo Nghị định, đề nghị cân nhắc bổ sung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Nghị định; bổ sung Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định (như quy định pháp luật về tiếp nhận viện trợ, quà tặng, miễn thị thực cho người lao động nước ngoài...).

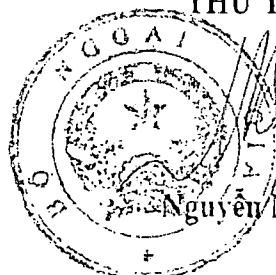
- Tại Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, cân nhắc bổ sung thêm nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao về hỗ trợ thu hút chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài trong hoạt động tư vấn chính sách, kết nối chuyển giao công nghệ, hỗ trợ ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Bộ Ngoại giao xin gửi ý kiến trên đề Quý Bộ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị: LPQT, CLS, KTĐP;
- Lưu: HC, THKT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Minh Hằng

Số: 6615 /NHNN-TT  
V/v góp ý đối với Hồ sơ dự thảo  
Nghị định thay thế Nghị định  
số 94/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý đối với Hồ sơ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (dự thảo Nghị định), sau khi nghiên cứu, rà soát, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có ý kiến như sau:

### 1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ

- Điểm 3 Mục I dự thảo Tờ trình Chính phủ (trang 3):

+ Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nội dung về tổng kết kết quả thi hành Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, nêu cụ thể hơn những kết quả đạt được và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị định số 94/2020/NĐ-CP để làm rõ hơn sự cần thiết ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP.

+ Đề cập việc phát sinh một số nội dung đòi hỏi phải nghiên cứu, xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, trong đó có nội dung *“Hoạt động của Trung tâm luôn có sự kết nối với các trung tâm đổi mới sáng tạo khác tạo thành mạng lưới hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Do đó, cần bổ sung cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các trung tâm đổi mới sáng tạo khác có sự kết nối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia để liên thông chính sách, phát huy hiệu quả của mạng lưới này...”*. Tuy nhiên, điểm 1 Mục II dự thảo Tờ trình Chính phủ (trang 4) chưa thể hiện đầy đủ mục đích xây dựng Nghị định và dự thảo Nghị định chưa quy định các nội dung về các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các trung tâm đổi mới sáng tạo khác có sự kết nối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các nội dung tại dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ để đảm bảo tính thống nhất.

- Phần VII dự thảo Tờ trình Chính phủ (trang 10) đề cập các thành phần hồ sơ trình Chính phủ<sup>1</sup>, tuy nhiên chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 93 Luật Ban

<sup>1</sup> Bao gồm: Tờ trình Chính phủ; dự thảo Nghị định; Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành; Bảng tổng hợp giải trình các cơ chế, chính sách ưu đãi; Văn bản góp ý của các Bộ, ngành liên quan.

hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)<sup>2</sup>. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung đảm bảo tuân thủ quy định.

## 2. Về dự thảo Nghị định

- Về căn cứ xây dựng dự thảo Nghị định: Đề nghị điều chỉnh từ “*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013*” thành “*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 1 năm 2024*”.

- Tại khoản 2, khoản 6 Điều 4 dự thảo Nghị định: Đề nghị xem lại quy định về việc Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia và các tổ chức, cá nhân hoạt động tại các cơ sở của Trung tâm được hưởng các thủ tục hành chính thuận lợi nhất theo quy định của pháp luật vì theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính (đã sửa đổi, bổ sung), thủ tục hành chính được quy định phải đảm bảo nguyên tắc “*Bảo đảm quyền bình đẳng của các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*”. Ngoài ra, khoản 7 Điều 15 Luật Đầu tư quy định: “*Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi đầu tư khác nhau, bao gồm cả ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 20 của Luật này thì được áp dụng mức ưu đãi đầu tư cao nhất*”.

Do vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát việc quy định “*các tổ chức, cá nhân hoạt động tại các cơ sở của Trung tâm được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất*” được hiểu là ưu đãi cao nhất so với các mức ưu đãi đầu tư được hưởng hay so với các nhà đầu tư khác. Ngoài ra, đề nghị làm rõ cơ sở quy định “*các tổ chức, cá nhân hoạt động tại các cơ sở của Trung tâm được hưởng các thủ tục hành chính thuận lợi nhất theo quy định của pháp luật*”.

- Tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định: Phương án 1 quy định: “*Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài làm việc tại Trung tâm được cấp Giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn*”. Tuy nhiên, Nghị định số 152/2020/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam không quy định về quy trình, thủ tục rút gọn đối với thủ tục đề nghị cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo xem lại quy định này để đảm bảo minh bạch, khả thi.

<sup>2</sup> Bao gồm: Tờ trình Chính phủ về dự thảo nghị định; dự thảo nghị định; Báo cáo thẩm định; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo nghị định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị định; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị định quy định; Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo, nếu trong dự thảo có quy định thủ tục hành chính; Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo, nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; Nghị quyết của Chính phủ về đề nghị xây dựng nghị định; Tài liệu khác (nếu có).



- Tên Điều 8 dự thảo Nghị định là "Tiếp nhận và sử dụng các khoản tài trợ, tặng cho" (không bao gồm viện trợ); tuy nhiên, điểm e khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định "Bên tài trợ, viện trợ phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tài trợ, viện trợ". Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đảm bảo tính thống nhất.

NHNN kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, xử lý. /s/

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Phạm Tiến Dũng;
- Vụ Pháp chế, Vụ Tin dụng CNKT (để p/h);
- Lưu: VT, TT4. NTMaiAnh. (05)

**KT. THỐNG ĐỐC  
PHÓ THỐNG ĐỐC**



**Phạm Tiến Dũng**

Số: 3283 /BTTTT-CNICT

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

V/v góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay  
thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc đáp Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/07/2027 của quý Bộ về việc góp ý đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, Bộ Thông tin và Truyền thông có một số ý kiến như sau:

1. Về cơ bản Bộ Thông tin và Truyền thông nhất trí với sự cần thiết và nội dung của dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, đề nghị Bộ KHĐT nghiên cứu, bổ sung cơ chế chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực công nghệ cao hoạt động trong Trung tâm. Ví dụ như khấu trừ thuế đối với các chi phí cho hoạt động R&D, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát,... để thu hút và hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp phát triển.

2. Tại Điều 12 về Quỹ đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, đề nghị bổ sung nội dung về việc xây dựng tiêu chí đánh giá lựa chọn đầu tư cho các dự án, phân bổ vốn đầu tư hợp lý, bảo đảm có cơ chế giám sát thông qua cơ chế hội đồng (có sự tham gia của các chuyên gia độc lập, đại diện hiệp hội, đại diện các trường, viện nghiên cứu,...), công khai minh bạch thông tin, có đánh giá, điều chỉnh kế hoạch đầu tư để sử dụng hiệu quả Quỹ.

3. Tại Chương III về tổ chức thực hiện, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung nội dung trách nhiệm về cơ chế báo cáo, đánh giá kết quả hoạt động, thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi của Trung tâm hàng năm để Chính phủ xem xét, điều chỉnh phù hợp.

Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương;
- Lưu: VT, CNICT (2).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Bùi Hoàng Phương**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5465/BTNMT-KHCN

V/v góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị  
định số 94/2020/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18 tháng 07 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Đề nghị tham khảo một số nội dung đổi mới tại dự thảo Luật Khoa học và công nghệ đang được Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn chỉnh để trình Quốc hội thông qua để cập nhật vào quy định tại Nghị định nhằm khuyến khích, hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia;

2. Rà soát, chuyển quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều 4 vào quy định tại mục II để phù hợp với tiêu đề “Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia”;

3. Khoản 2 Điều 5 kiến nghị thực hiện theo phương án 2, vì nội dung này quy định đầy đủ các điều kiện để người lao động nước ngoài không phải xin giấy phép lao động; đưa điểm “d” tại khoản này thành một khoản riêng do nội dung tại điểm này tập trung vào trình tự thủ tục xác nhận người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

4. Đề nghị rà soát quy định tại khoản 2 Điều 7 “Trung tâm không thuộc đối tượng nộp tiền thuê đất trong trường hợp sử dụng tài sản gắn liền với đất để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết” để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 39 Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

5. Kiến nghị xem xét lại Quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 2 Điều 11. Tại Điều 9 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp được quy định gồm 4 nhóm: Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1); Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2); Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3); Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4). Tại khoản 1 Điều 10 của dự thảo Nghị định Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia thuộc đơn vị nhóm 1; theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Trung tâm lại thuộc đơn vị nhóm 3. Đề nghị thống

nhất cách thức tổ chức hoạt động của Trung tâm để đảm bảo thống nhất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

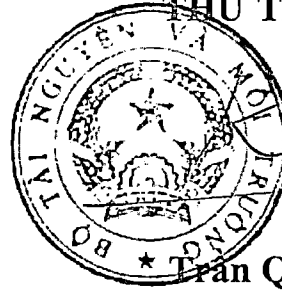
Trên đây là góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHCN, NHM.

*[Handwritten marks]*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*[Handwritten signature]*  
**Trần Quý Kiên**



Số: 6018/BCT-PC

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị  
định thay thế Nghị định số  
94/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, Bộ Công Thương có một số ý kiến như sau:

### I. Tại dự thảo Tờ trình

1. Dự thảo Tờ trình có nội dung "tại Thông báo số 75/TB-VPCP, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư: "Rà soát, đề xuất sửa đổi Nghị định số 94/2020/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia nói riêng và đổi mới sáng tạo theo trình tự rút gọn...". Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang dự thảo việc xây dựng, ban hành dự thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn áp dụng đối với "trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành" và "trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn".

Để có căn cứ xem xét việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế những cơ chế, chính sách hiện có, đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu, bổ sung thêm nội dung tại tờ trình về (1) Đánh giá hiệu quả hoạt động của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia trong thời gian qua, (2) Đánh giá việc thực thi, hiệu quả của các chính sách đã được quy định tại Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, (3) Làm rõ việc thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP là để giải quyết "trường hợp cấp bách" nào?, (4) Bổ sung, làm rõ các nội dung cần sửa đổi ngay để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành (ví dụ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được ban hành từ năm 2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, do vậy, trang 9 dự thảo Tờ trình có nội dung ghi nhận đây là văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành là chưa phù hợp).

2. Tại dự thảo Tờ trình có nêu: "Hoạt động của Trung tâm luôn có sự kết nối với các trung tâm đổi mới sáng tạo khác tạo thành mạng lưới hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Do đó, cần bổ sung cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các trung tâm đổi mới sáng tạo khác có sự kết nối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia để liên thông chính sách, phát huy hiệu quả của mạng lưới này, tạo sự đồng bộ về cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho đổi mới sáng tạo cả nước". Do đó, đề nghị nghiên cứu việc xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi cho các Trung

tâm, tổ chức có hoạt động đổi mới sáng tạo; trong đó có những chính sách đặc thù riêng đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia và cơ chế, chính sách chung đối với đơn vị, tổ chức có hoạt động đổi mới sáng tạo để đảm bảo sự đồng bộ về cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho đổi mới sáng tạo cả nước.

## II. Tại dự thảo Nghị định

1. Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định, đề nghị làm rõ đối tượng áp dụng "*tổ chức*" bao gồm những tổ chức nào khác ngoài các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

### 2. Tại nội dung Điều 3. Giải thích từ ngữ

Đề nghị bổ sung quy định về việc giải thích thuật ngữ về "*Đổi mới sáng tạo*".

3. Rà soát lại quy định tại khoản 3, Điều 4 quy định "*Trung tâm được thực hiện cơ chế tự chủ áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư*" và quy định tại khoản 2, Điều 11 quy định "*Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên hằng năm của Trung tâm đến năm 2030*" để đảm bảo tính phù hợp với quy định về tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Theo các quy định trong dự thảo, đối chiếu với các quy định về cơ chế tự chủ, Trung tâm sẽ thuộc Nhóm đơn vị sự nghiệp được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Đề nghị ghi rõ cụ thể hơn về mức hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên hằng năm và tiền lương (do Trung tâm mới thành lập để duy trì hoạt động thời gian đầu mới thành lập).

4. Khoản 6 Điều 4 quy định: "*Các tổ chức, cá nhân hoạt động tại các cơ sở của Trung tâm được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất và các thủ tục hành chính thuận lợi nhất theo quy định của pháp luật*".

Việc quy định như trên sẽ khó áp dụng trên thực tiễn. Do vậy, đề nghị rà soát quy định cụ thể hoá những cơ chế, chính sách ưu đãi nào sẽ được hưởng mức ưu đãi cao nhất?

5. Tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định, đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc sửa đổi quy định này theo hướng áp dụng chung cho Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia không chỉ áp dụng riêng cho Trung tâm tại cơ sở Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

### 6. Tại nội dung Điều 10. Chính sách về tuyển dụng

Đề nghị chỉnh sửa theo hướng: Trung tâm được tự chủ quyết định về số lượng người làm việc phù hợp và tự chủ tuyển dụng viên chức và người lao động theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp tự chủ về chi thường xuyên và chi đầu tư.

7. Theo quy định tại Khoản 1. Định nghĩa về Trợ cấp, Hiệp định Trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM), việc quy định ưu đãi về tín dụng đầu tư được xem là một hình thức trợ cấp.

Điều 3.1. Các loại trợ cấp bị cấm theo Hiệp định SCM, các khoản trợ cấp sau đây sẽ bị cấm: "(a) quy định về khối lượng trợ cấp, theo quy định của pháp luật hay trong thực tiễn triển khai, là một điều kiện riêng biệt hay đi kèm theo những điều kiện khác, căn cứ vào kết quả thực hiện hoạt động xuất khẩu,..."

Căn cứ theo các cam kết trên, việc quy định ưu đãi về tín dụng đầu tư như tại Điều 6 của dự thảo Nghị định, nếu bị các Thành viên WTO chứng minh là có gắn với hoạt động xuất khẩu, thì có thể sẽ bị các Thành viên WTO nêu quan ngại về khả năng Việt Nam vi phạm cam kết của Hiệp định SCM. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần sớm chuẩn bị sẵn sàng phương án, kịch bản để phản hồi với các Thành viên WTO.

8. Đề nghị bổ sung nội dung quy định về các lĩnh vực, điều kiện, tiêu chí, tiêu chuẩn gắn với các loại hình Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia để được hưởng các cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi của nhà nước.

Bộ Công Thương gửi Quý Bộ nghiên cứu./ *Bm*

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Sinh Nhật Tân**



Bộ Xây dựng  
17-09-2024  
15:36:32 +07:00

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **5299** /BXD-KHCN  
V/v ý kiến đối với dự thảo Nghị  
định thay thế Nghị định số  
94/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày **16** tháng **9** năm **2024**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Xây dựng nhận được Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ (gửi kèm theo Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST).

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCNMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Bùi Xuân Dũng**



**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3868/BLĐTBXH-CVL  
V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định  
thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của quý Bộ về việc góp ý đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình Nghị định

Dự thảo Tờ trình Nghị định chưa đánh giá việc triển khai thực hiện quy định “Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cấp Giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn” quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, qua đó nêu những khó khăn, vướng mắc để có căn cứ đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định tại dự thảo Nghị định.

2. Về dự thảo Nghị định

- Tại Phương án 1 của khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định: Đề nghị bổ sung cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục rút gọn cấp giấy phép lao động đối với chuyên gia nước ngoài làm việc tại Trung tâm.

Lý do: Theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì nghiêm cấm quy định thủ tục hành chính trong Thông tư.

- Tại Phương án 2 của khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định: Đề nghị không quy định trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với các trường hợp có hợp đồng lao động.

Lý do: Theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam sau khi người lao động nước ngoài được cấp giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc cho người sử dụng lao động.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 152 của Bộ luật Lao động thì doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhà thầu chỉ được tuyển dụng người lao động nước ngoài vào làm vị trí công việc quản lý, điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Do đó, việc mở rộng các trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động thì phải quy định rõ về tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, đảm bảo thu hút người lao động nước ngoài có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo.

- Đề nghị bỏ nội dung tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định về thẩm quyền của Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

Lý do: Theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 thì Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc không có thẩm quyền chấp thuận, cấp giấy phép lao động.

Đồng thời, việc quy định Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc chấp thuận kế hoạch sử dụng lao động nước ngoài nhưng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội là cơ quan cấp giấy phép lao động sẽ không đảm bảo một đầu mối thống nhất trong việc thực hiện quản lý và cấp giấy phép lao động.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề quý Bộ tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị định./:

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CVL.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



Văn Thanh

BỘ CÔNG AN  
CỤC AN NINH KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 817/ANKT-ANTCĐT  
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị  
định sửa đổi Nghị định số  
94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của  
Chính phủ.

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
(qua Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia)

|                         |        |
|-------------------------|--------|
| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ   |        |
| Số: 4.1133.....         | ĐẾN    |
| Ngày: 21.8.2024         | Chuyển |
| Số và ký hiệu HS: ..... |        |

Trả lời Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị Bộ Công an góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, Cục An ninh kinh tế - Bộ Công an trao đổi như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình Nghị định: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nêu rõ căn cứ để bổ sung điểm b, khoản 1, Điều 5 và nội dung Phương án 2 trong dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình.

2. Về hồ sơ dự thảo Nghị định: đề nghị bổ sung Hồ sơ xây dựng Nghị định để đảm bảo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

3. Về nội dung dự thảo Nghị định

- Tại Điều 3, đề nghị giải thích thêm cụm từ: Doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ cho Trung tâm.

- Đề nghị bỏ khoản 4 Điều 17 cho phù hợp với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung tại Điều 5.

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 5 theo hướng:

+ Quy định cụ thể đối tượng được hưởng ưu đãi về lao động gồm: “Người nước ngoài làm việc tại Trung tâm bao gồm các cá nhân là người lao động, chuyên gia, nhà khoa học của Trung tâm, của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tại Trung tâm”.

+ Về ưu đãi lao động: đề nghị lựa chọn Phương án 1 để thống nhất theo Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 về các trường hợp được miễn giấy phép lao động; trường hợp lựa chọn Phương án 2 đề nghị rà soát để các đối tượng được hưởng ưu đãi đúng quy định đảm bảo chặt chẽ, tránh

lợi dụng chính sách để vi phạm quy định, như bỏ các trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2.

+ Về thị thực nhập cảnh: Luật Nhập cảnh, xuất cảnh quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2019, 2023) đã quy định cụ thể về thời hạn của từng loại thị thực, trình tự, thủ tục và điều kiện cấp đối với từng loại thị thực do vậy đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng thực hiện cấp thị thực cho các đối tượng này thực hiện theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài để đảm bảo tính thống nhất.

- Tại Điều 7, đề nghị bỏ nội dung quy định tại khoản 2 (Trung tâm không thuộc đối tượng nộp tiền thuê đất trong trường hợp sử dụng tài sản gắn liền với đất để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết) vì việc Chính phủ ban hành Nghị định này là tạo điều kiện hỗ trợ về cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi cho NIC để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực cho đổi mới sáng tạo; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ và đổi mới sáng tạo chất lượng cao, phát triển mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam. Việc đưa nội dung tại khoản 2 vào Nghị định có thể dẫn tới việc “chuyển đổi” “sử dụng” diện tích đất thuê và tài sản gắn liền với đất thuê không đúng mục đích, tạo nguy cơ “lỗ hổng” về pháp lý trong quản lý tài sản nhà nước. Tại điểm c, khoản 3 có quy định: Cơ sở Trung tâm tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được miễn toàn bộ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư. Nhưng tại điểm d quy định “Ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ kinh phí san lấp mặt bằng của dự án đầu tư cơ sở Trung tâm”. Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định rõ nguồn của kinh phí thực hiện giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư để đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng.

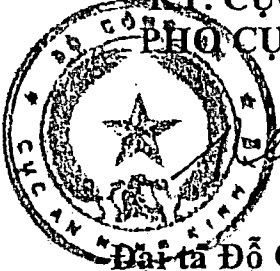
- Tại Điều 17, đề nghị bổ sung nhiệm vụ của Bộ Công an trong quản lý về cư trú, hoạt động của người lao động, chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài hoạt động tại Trung tâm.

Cục An ninh kinh tế - Bộ Công an trao đổi đề quý Trung tâm tập hợp./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Thứ trưởng Phạm Thế Tùng (để báo cáo);
- Đ/c Cục trưởng Nguyễn Đình Thuận (để báo cáo);
- Phòng Tham mưu tổng hợp (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANKT(ANTCĐT).NTH(06b).

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHỤ CỤC TRƯỞNG



*Quang*

Đại tá Đỗ Quang Phương

NLC

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
BAN KINH TẾ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số 4936 - CV/BKTTW

V/v góp ý Dự thảo Nghị định thay thế  
Nghị định số 94/2020/NĐ-CP

|                       |                       |
|-----------------------|-----------------------|
| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ |                       |
| DẾN                   | Số: ... 40087 ...     |
|                       | Ngày: ... 16. 8. 2024 |
| Chuyên:               | .....                 |
| Số và ký hiệu HS:     | .....                 |

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 5662/BKHĐT-TTĐMST, ngày 18/7/2024 về việc xin ý kiến góp ý Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, sau khi nghiên cứu, Ban Kinh tế Trung ương có ý kiến như sau:

1. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về "Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư" đã xác định một trong những chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia là "Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh"; "Hoàn thiện mô hình và cơ chế, chính sách để tạo sự phát triển đột phá đối với các khu công nghệ cao"... Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" cũng đã đề ra yêu cầu: "Phát triển hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu..."

Ban Kinh tế Trung ương ủng hộ cần xây dựng và ban hành sớm Nghị định thay thế Nghị định 94/2020/NĐ-CP; đề nghị Nghị định cần tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa các chủ trương chính sách của Đảng về hoạt động đổi mới sáng tạo nhằm bảo đảm tính thống nhất và tạo nền tảng pháp lý thuận lợi, phù hợp hơn cho Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia.

2. Một số góp ý cụ thể

- Tại phần căn cứ ban hành Nghị định, đề nghị cập nhật Luật Đất đai 2024 có hiệu lực từ 1/8/2024 thay thế cho Luật Đất đai 2013.

- Hiện nay tại Dự thảo Nghị định, liên quan đến vấn đề thu hút các chuyên gia, người lao động nước ngoài chủ yếu đề ra cơ chế, chính sách liên quan tới ưu tiên trong cấp thị thực và giấy phép lao động. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân, cơ chế chi trả thù lao xứng đáng cho các nhà khoa học, công nghệ và chuyên gia giỏi người Việt Nam ở nước ngoài về nước tham gia các chương trình, dự án nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Trung tâm; cơ chế chính sách ưu đãi về quyền sử dụng, quyền thuê đất và nhà ở, ưu đãi cấp nhà ở, phương tiện đi lại...

Bên cạnh đó, đối với cơ chế, chính sách về thị thực và lao động nước ngoài (Điều 5): Dự thảo đang đưa ra 2 phương án, đề nghị tại Tờ trình, Ban soạn thảo phân tích làm rõ ưu, nhược điểm của từng phương án và đề xuất phương án lựa chọn, lý do lựa chọn.

- Về cơ chế ưu đãi cho các cá nhân, tổ chức hoạt động tại Trung tâm (mục 3 Chương II): bên cạnh chính sách tuyển dụng, đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung các chính sách liên quan tới chế độ tiền lương, tiền thưởng, tôn vinh, khen thưởng cũng như hình thành các cơ chế khuyến khích sự chủ động sáng tạo của các cá nhân, tổ chức hoạt động tại Trung tâm; nghiên cứu, bổ sung các cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, thất bại trong thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo tại Trung tâm để hiện thực hóa các chủ trương của Đảng về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học; xây dựng và triển khai cơ chế thử nghiệm cho các hoạt động đổi mới sáng tạo có thể thí điểm ngay tại Trung tâm...

- Hoạt động của Trung tâm luôn có sự kết nối với các trung tâm đổi mới sáng tạo khác tạo thành mạng lưới hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Do đó, bên cạnh việc bổ sung các đối tác của Trung tâm là đối tượng được hưởng các ưu đãi tại Nghị định này, cần nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách tạo sự kết nối, liên thông, hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Việt Nam với vai trò dẫn dắt đổi mới sáng tạo của Trung tâm.

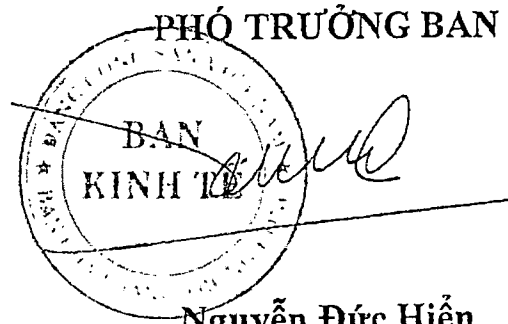
- Liên quan tới phần Tổ chức thực hiện, trách nhiệm của các bộ ngành, đơn vị liên quan: hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tại Nghị định này, Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan được giao chức năng, nhiệm vụ thống nhất quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo; xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, phát triển đổi mới sáng tạo, hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và

huy động các nguồn lực đầu tư cho đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; quản lý, hướng dẫn và tổ chức triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, khởi nghiệp sáng tạo; tạo lập và thúc đẩy môi trường pháp lý hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.... Do đó, Ban Kinh tế trung ương đề nghị cần làm rõ mô hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động đổi mới sáng tạo tại Trung tâm để tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ ngành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Trên đây là ý kiến của Ban Kinh tế Trung ương, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, hoàn thiện.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đ/c Phó Trưởng Ban điều hành (để b/c),
- Vụ Công nghiệp,
- Lưu Văn phòng Ban.



Nguyễn Đức Hiền

Số: 4367/UBND-SKHHCN

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2024

V/v có ý kiến đối với dự thảo  
Nghị định thay thế Nghị định số  
94/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

UBND thành phố Đà Nẵng nhận được Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, qua nghiên cứu nội dung dự thảo, UBND thành phố Đà Nẵng có ý kiến góp ý đối với một số nội dung của dự thảo Nghị định, cụ thể như sau:

**1. Về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định**

Theo nội dung Thông báo số 02/TB-VPCP ngày 04/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc của Thường trực Chính phủ với lãnh đạo thành phố Đà Nẵng, trong đó có nội dung “Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND thành phố Đà Nẵng và các cơ quan liên quan xem xét việc cho phép thành phố Đà Nẵng được áp dụng toàn bộ cơ chế, chính sách quy định tại Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020, báo cáo Chính phủ trong quý II năm 2022”, UBND thành phố Đà Nẵng đã có các văn bản (Công văn số 4568/UBND-SKHHCN ngày 19/8/2022, Công văn số 1120/UBND-SKHHCN ngày 15/3/2023) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề xuất nội dung và đơn vị áp dụng cơ chế, chính sách theo Nghị định số 94/2020/NĐ-CP.

Trên cơ sở kết quả trao đổi, ngày 06/7/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 5315/BKHĐT-TTĐMST về việc áp dụng cơ chế, chính sách theo Nghị định số 94/2020/NĐ-CP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trong đó, đề xuất UBND thành phố “tập trung nghiên cứu xây dựng và phát triển 01 Trung tâm đổi mới sáng tạo tại thành phố Đà Nẵng và các cơ chế, chính sách ưu đãi cho trung tâm này” và UBND thành phố Đà Nẵng đã có Công văn số 3957/UBND-SKHHCN ngày 28/7/2023, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư chọn Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng bổ sung vào đối tượng được hưởng các chính sách ưu đãi khi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2020/NĐ-CP. Đồng thời, theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Đà Nẵng đã cử 02 thành viên (01 Lãnh đạo Sở, 01 chuyên viên thuộc Sở Khoa học và Công nghệ) tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2020/NĐ-CP và đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư đưa vào Quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định.



Ngày 20/11/2023, UBND thành phố Đà Nẵng đã có Công văn số 6432/UBND-SKHCHN về việc có ý kiến đối với đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP (phúc đáp Công văn số 9247/BKHĐT-TTĐMST ngày 03/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong đó có nội dung liên quan đến đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết. Do đó, UBND thành phố Đà Nẵng kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng vào phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP theo đúng Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 02/TB-VPCP ngày 04/01/2022 của Văn phòng Chính phủ.

## 2. Về thị thực và lao động nước ngoài

a) Tại điểm c, khoản 1, Điều 5 của dự thảo Nghị định cần xem xét Bổ sung thành viên gia đình. Bao gồm các thành viên có liên quan trực tiếp đến Người nước ngoài khi được xem xét cấp thị thực nhập cảnh, bao gồm nhưng không giới hạn: Vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể;... (tham khảo thêm khoản 16 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014).

b) Tại khoản 2 Điều 5 của dự thảo Nghị định, UBND thành phố Đà Nẵng đề xuất lựa chọn phương án 1 trong dự thảo Nghị định nhằm tạo thuận lợi cho các trung tâm tại các địa phương được thụ hưởng chính sách trong quá trình hoạt động.

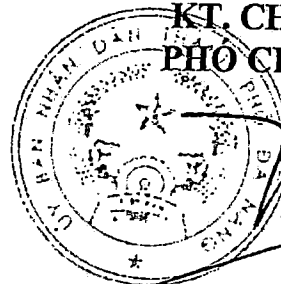
UBND thành phố Đà Nẵng kính gửi văn bản phản hồi để Bộ Kế hoạch và Đầu tư được biết và tổng hợp. / *luok*

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Thường trực Thành uỷ (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH thành phố (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để phối hợp);
- Chủ tịch UBND thành phố (để báo cáo);
- Sở KH&ĐT;
- Lưu: VT, KGVX, SKHCHN.

11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Nguyễn Thị Anh Thi*  
Nguyễn Thị Anh Thi

Số: 2650 /UBND-KTTH

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo  
Nghị định thay thế Nghị định số  
94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020  
của Chính phủ

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhận được Văn bản số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ, sau khi nghiên cứu, UBND thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

**1. Về dự thảo Tờ trình:**

- Đề nghị điều chỉnh lại Tờ trình theo mẫu số 03 phụ lục V Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp cần được trình bày tại một báo cáo riêng thay vì đưa vào Tờ trình.

- Đề nghị điều chỉnh lại khoản 1 mục IV về Bộ cục của dự thảo Nghị định: kiểm tra lại lỗi chính tả, số điều, viết đủ tên các mục tương ứng với Nghị định.

**2. Về dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ:**

- Đề nghị bổ sung Luật Khoa học Công nghệ ngày 08/7/2022 vào phần căn cứ pháp lý, do các hoạt động liên quan đến khoa học và công nghệ là nòng cốt và định hướng cho hoạt động của Trung tâm.

- Đề nghị xem lại các căn cứ pháp lý mới nhất của các văn bản luật, như: Luật Đất đai, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Thủ đô (lược bỏ chữ sửa đổi).

- Tại Điều 14: Về hỗ trợ của Trung tâm, đề nghị quy định cụ thể cách thức hỗ trợ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là hỗ trợ miễn phí hay miễn phí một phần, phân lệ phí nhà nước cho các thủ tục hành chính có được hỗ trợ hay không? Chi phí chuyên gia tư vấn?...

- Tại Điều 15: “*Đăng ký doanh nghiệp và xác lập quyền sở hữu công nghiệp*” nên điều chỉnh thành “*Cơ chế ưu đãi trong hoạt động thương mại hóa sản phẩm*” vì trên thực tế, theo quy định tại Khoản 5 Điều 26 Luật Doanh nghiệp năm 2020 “*Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp đăng ký doanh nghiệp*”, thời hạn đăng ký doanh nghiệp hiện nay đã được rút ngắn rất nhiều. Mặt khác, cần có cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoặc các đối tác của Trung tâm trong việc rút ngắn thời gian đăng

ký nhãn hiệu, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học không sử dụng vốn ngân sách, đăng ký doanh nghiệp khoa học công nghệ, đăng ký giống cây trồng mới,... Đây là các thủ tục hành chính có thời gian xử lý hồ sơ rất lâu gây cản trở đến quá trình thương mại hóa sản phẩm của doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung nội dung các trung tâm, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, vườn ươm công nghệ, vườn ươm công nghệ cao được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương được công nhận tự động là đối tác của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia và áp dụng các cơ chế đặc thù tại Nghị định mới thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của UBND thành phố Hà Nội, trân trọng kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo./.

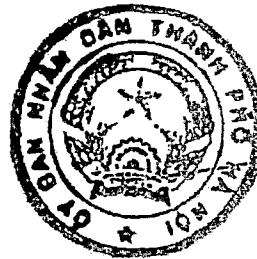
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- PCT UBND Thành phố Hà Minh Hải;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP Đ.Q.Hùng, KTTH;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Minh Hải**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8525/UBND-CN  
V/v góp ý dự thảo  
Nghị định thay thế Nghị định  
số 94/2020/NĐ-CP

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP tại Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Ý kiến đóng góp bổ sung:

Hiện nay, trên cả nước đã hình thành nhiều đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cả từ khu vực tư nhân, khu vực công, đặc biệt là các Trung tâm Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo của các địa phương. Nhằm tạo hành lang pháp lý, chính sách, chương trình hỗ trợ phù hợp, cơ chế phối hợp... để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên cả nước, kính đề nghị một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia sẽ được áp dụng đối với các Trung tâm Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo của các địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở KHĐT, Sở KHCN;
- Đại học Huế;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1374 /UBND-KTTC  
V/v tham gia ý kiến dự thảo  
Nghị định Quy định cơ chế, chính  
sách ưu đãi đối với Trung tâm  
Đổi mới sáng tạo Quốc gia

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện văn bản số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cơ bản nhất trí đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo và tham gia ý kiến với nội dung như sau:

1. Đối với nội dung chung:

- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung tiêu chí cụ thể xác định Trung tâm khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ về thuế, nguồn vốn, lao động, tiếp nhận viện trợ,... đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo khác có sự kết nối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Qua đó tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của các trung tâm đổi mới sáng tạo với những cơ chế, chính sách ưu đãi cao và thuận lợi nhất để Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trên cả nước phát triển; đồng thời tạo sức hấp dẫn để thu hút nhân tài, chuyên gia trong và ngoài nước, cũng như khuyến khích các cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung cơ chế hỗ trợ của Trung tâm khởi nghiệp Quốc gia đối với các trung tâm khởi nghiệp ở các địa phương qua đó góp phần hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trên toàn quốc.

2. Đối với các nội dung cụ thể tại dự thảo Nghị định

- Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định: “*Trung tâm được áp dụng cơ chế tuyển dụng viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư*” thành “*Trung tâm được áp dụng cơ chế tuyển dụng viên chức, ký kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư*”.

- Tại Điều 5 “Thị thực người nước ngoài”, đề nghị lựa chọn phương án số 2 tại dự thảo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư. *Đề nghị*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
  - Các PCT UBND tỉnh (p/h);
  - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
  - V0, V1-4, TM, TH;
  - Lưu: VT, TM2;
- P02, 362b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Diện

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC  
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

Số: 1804 /VHL-KHTC  
V/v góp ý dự thảo Nghị định  
của Chính phủ thay thế Nghị định  
số 94/2020/NĐ-CP

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý đối với dự thảo Tờ trình và Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện Hàn lâm) có ý kiến như sau:

- Viện Hàn lâm đã nghiên cứu nội dung của dự thảo Tờ trình và Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo;

- Viện Hàn lâm nhất trí với nội dung của dự thảo Tờ trình và Nghị định nêu trên và không có ý kiến gì thêm.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trường Giang**

NIC

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ  
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 910 /HV-KHCN

V/v lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định  
thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2024

V. KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 379.35  
ĐẾN Ngày: 05.8.2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chuyên: .....

Số và ký hiệu HS: .....

Phúc đáp công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18 tháng 07 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, căn cứ tình hình thực tiễn thuộc lĩnh vực, phạm vi hoạt động của đơn vị, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Học viện) nhất trí với bản Dự thảo nói trên và có ý kiến như sau:

Học viện nhất trí với phương án 2 tại Khoản 2 Điều 5, tuy nhiên cần xem xét điều kiện tại các điểm a), b), c) có thỏa mãn điểm d) về thủ tục xác nhận người lao động không thuộc diện cấp phép lao động hay không.

Học viện kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc HV (để báo cáo);
- Lưu VT, KHCN. *h*

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Quang Anh



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Số: 3466/ĐHĐN-TTPC

V/v góp ý dự thảo Nghị định thay  
thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: ... 39139 .....  
Ngày: ... 10.8.2024  
Chuyên: .....

Thực hiện Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) thống nhất hầu hết các nội dung trong Dự thảo, đồng thời đề xuất một số kiến nghị như sau:

1. Đối với khoản 2 Điều 5 Dự thảo nghị định: đề xuất lựa chọn “phương án 2” để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động nước ngoài làm việc tại Trung tâm và các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ cho Trung tâm.

2. Đối với Điều 7 Dự thảo nghị định: đề nghị xem xét, bổ sung nội dung quy định cho phép Trung tâm được miễn tiền thuê đất.

3. Đối với Điều 8 Dự thảo nghị định: tại Điều 113 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư đã sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, trong đó có quy định đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Trung tâm. Tuy nhiên, tại Điều 8 Nghị định không đề cập đến nguồn viện trợ này, đề nghị xem xét bổ sung cho phù hợp.

4. Khoản 5 Điều 17 Dự thảo nghị định có nội dung: “*Bộ Tài chính hướng dẫn .. và hướng dẫn ưu đãi về đất đai cho Trung tâm theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này*”. Đề nghị hiệu chỉnh thành khoản 2 Điều 7 để đúng với đối tượng ưu đãi đất đai của Nghị định.

5. Đối với khoản 1 Điều 18 Dự thảo nghị định, đề nghị xem xét bổ sung nội dung “*Nghị định này thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020 quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia*” vì đây là văn bản thay thế do đó phải có nội dung quy định rõ về việc thay thế, hủy bỏ, hết hiệu lực của văn bản cũ.

Trên đây là các ý kiến góp ý liên quan đến Dự thảo nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, Đại học Đà Nẵng kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTPC.



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1591/ĐHQG-KHĐT      Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2024  
V/v ý kiến đối với Dự thảo Nghị định  
thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP  
ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định  
cơ chế, chính sách ưu đãi đối với  
Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Sau khi nghiên cứu các nội dung của Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất với nội dung dự thảo nêu trên.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc ĐHQG-HCM (để b/c);
- Ban KHCN;
- Lưu: VT, KHĐT (Thùy, Duyên).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Minh Tâm**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1120 /KCNC-XTĐT  
V/v ý kiến dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số  
94/2020/NĐ-CP về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với  
Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2024

**KHẨN**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngày 30/7/2024, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý) nhận được Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Ban Quản lý có ý kiến các nội dung sau:

**1. Về phạm vi điều chỉnh tại Điều 1:**

Đề xuất bổ sung thêm nội dung:

“..., tổ chức và cá nhân hoạt động tại Trung tâm, Vườn ươm Doanh nghiệp Công nghệ cao được cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp và các đối tác của Trung tâm.”

**2. Về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các đối tác của Trung tâm:**

Tại dự thảo chưa có điều khoản về chính sách ưu đãi cho các đối tác của Trung tâm, vì phạm vi điều chỉnh của dự thảo này có nêu: “Nghị định này quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (sau đây gọi tắt là Trung tâm) được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tổ chức và cá nhân hoạt động tại Trung tâm và các đối tác của Trung tâm”.

**3. Về hiệu lực thi hành tại Điều 18:**

Đề xuất bổ sung thêm nội dung:

“Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.”

Về các nội dung khác, Ban Quản lý thống nhất với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Ban Quản lý kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. / *h*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (để biết);
- Các PTB (để biết);
- P.QLKHCN&HTQT; P.QLDN; P.QHXDMT;  
VỤ; TT R&D; TTĐT.
- Lưu: VT, P.XTĐT.HgM.11 *h*

**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Anh Thi**

Số: 528/LHHVN-KHCNMT

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024

V/v góp ý Dự thảo Nghị định thay thế Nghị  
định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020  
của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách  
ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo  
Quốc gia

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Theo đề nghị tại Công văn số 5662/BKHDT-TTDMST của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 18/7/2024 về việc xin ý kiến dự thảo “Nghị định thay thế nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia”, (sau đây gọi là Dự thảo Nghị định); ngày 18/3/2024, Liên hiệp Hội Việt Nam đã tổ chức tọa đàm lấy ý kiến của các tổ chức, các chuyên gia, nhà khoa học góp ý cho dự thảo Nghị định.

Trên cơ sở ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học và các đại biểu tham dự, Liên hiệp Hội Việt Nam tổng hợp các ý kiến góp ý cụ thể sau đây:

## I. Về Tờ trình

### 1. Sự cần thiết sửa đổi Nghị định

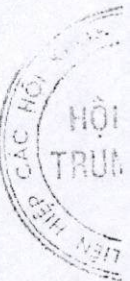
Sau gần 04 năm thực hiện, Nghị định số 94/2020/NĐ-CP đã đạt được kết quả nhất định đi vào thực tiễn, giúp xây dựng, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo Việt Nam; bước đầu tạo lập, dẫn dắt và kết nối hoạt động đổi mới sáng tạo trong các ngành, địa phương và doanh nghiệp. Tuy nhiên, Đổi mới sáng tạo đã trở thành xu hướng tất yếu, động lực mạnh mẽ để phát triển, nhiều vấn đề nảy sinh đòi hỏi phải nghiên cứu, sửa đổi Nghị định. Vì vậy, việc sửa đổi Nghị định số 94/2020/NĐ-CP để khắc phục những bất cập trong thực hiện những cơ chế, chính sách được xây dựng thuộc thẩm quyền của Chính phủ để tạo tính đột phá đối với mô hình, cơ cấu tổ chức và hoạt động đổi mới sáng tạo tại Trung tâm. Ban soạn thảo đã nhìn nhận, đánh giá rất nghiêm túc và đã quan tâm rà soát các văn bản chỉ đạo của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan đến nội dung đề trên cơ sở đó đề xuất sự cần thiết phải bổ sung, sửa đổi những nội dung liên quan đến cơ chế chính sách đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

### 2. Về mục tiêu, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Mục tiêu, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định rõ ràng phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng, các quy định pháp luật và tình hình thực tế của Việt Nam.

### 3. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định

Quy trình tiến hành xây dựng Nghị định tuân thủ đúng các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thể hiện trong tờ trình Chính phủ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ban soạn thảo nhìn nhận, đánh giá rất nghiêm túc và đã quan tâm rà soát các văn bản chỉ đạo của Đảng, văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan đến đổi mới sáng tạo và hoạt động khoa học, công nghệ để trên cơ sở đó đề xuất cần thiết phải bổ sung, sửa đổi nhiều nội dung liên quan đến Nghị định số



94/2020/NĐ-CP. Ban soạn thảo cũng đã xin ý kiến và tiếp thu giải trình ý kiến góp ý của các bộ, ngành liên quan.

## II. Về góp ý cho dự thảo Nghị định

### 1. Nhận xét chung

Liên hiệp Hội Việt Nam cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo và rất hoan nghênh Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có nhiều cơ chế mới, đột phá, tiệm cận với chuẩn mực quốc tế và các cơ chế thực hành tốt trên thế giới.

Đặc biệt là việc chấp nhận đầu tư có rủi ro theo đúng bản chất của các quỹ đầu tư mạo hiểm di đầu tư vào các dự án nghiên cứu công nghệ đổi mới sáng tạo và vào doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Chính vì rủi ro cao nên mới gọi là quỹ đầu tư mạo hiểm. Rủi ro không chỉ ở mức “5 ăn 5 thua”, mà là 90-99% có nguy cơ thất bại, chỉ 1-10% có khả năng thành công. Nhưng đặc điểm của loại đầu tư này là nếu thành công thì có mức tăng trưởng lợi nhuận rất cao, lên hàng trăm, thậm chí hàng ngàn lần so với số vốn bỏ ra, cho nên cách đánh giá hiệu quả của quỹ và năng lực của người quản lý quỹ là lợi nhuận ròng của toàn quỹ, lấy tổng lợi nhuận của tất cả các khoản đầu tư thành công trừ đi tổng tất cả các khoản đầu tư không thành công của cả quỹ, chứ không đánh giá dựa vào số dự án thành công và không quy trách nhiệm đối với từng dự án đầu tư thất bại hay thua lỗ. Nguyên tắc này cần ghi rõ ngay tại Nghị định thị hiệu lực pháp lý cao hơn và an toàn hơn cho người thực hiện.

### 2. Một số góp ý chi tiết Dự thảo:

- Trên cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và thực tiễn như Tờ trình của Bộ KH&ĐT đề nghị Ban soạn thảo xem xét sửa lại tên và nội dung của **“Nghị định quy chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia”** như Dự thảo thành **“Nghị định quy chế, chính sách ưu đãi đối với các Trung tâm Đổi mới sáng tạo”** nhằm bảo đảm tính bình đẳng và tạo điều kiện cho tất cả các Trung tâm Đổi mới sáng tạo hoạt động và phát triển. Đối với riêng Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia nếu do tính chất đặc thù hay sự quan trọng đặc biệt đối với nền KH&CN và đổi mới sáng tạo nước nhà thì có thể có những điều khoản riêng quy định trong Nghị định.

- Cần thể hiện rõ hơn phạm vi hỗ trợ của Trung tâm KN DMST không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ cho các DN, tổ chức, cá nhân hoạt động trong/tại các Trung tâm DMST ở giai đoạn nghiên cứu phát triển, thực nghiệm, mà quan trọng hơn còn phải bao gồm cả việc hỗ trợ xúc tiến thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ mới, có khả năng tăng trưởng cao và (bổ sung thêm) có nhu cầu lớn trên thị trường và giải quyết những vấn đề bất cập, cấp thiết về bảo vệ sức khỏe con người và môi trường trong nước và thế giới, góp phần tăng năng lực cạnh tranh quốc gia, có tiềm năng xuất khẩu, tạo việc làm cho doanh nghiệp trong nước.

- Cần quy định cụ thể hơn về phạm vi hỗ trợ, không chỉ về vốn, tài chính, mà cả hỗ trợ về thúc đẩy các cơ quan quản lý liên quan hỗ trợ giải quyết kịp thời, ưu tiên làm nhanh các thủ tục hành chính liên quan đến do kiểm, thử nghiệm, đánh giá, công nhận, cấp các chứng chỉ, chứng nhận, các thủ tục liên quan đến đấu thầu cạnh tranh, thủ tục đăng ký đầu tư, ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ công, hỗ trợ về cơ chế chính sách để mở rộng thị trường thương mại trong và ngoài nước và thị trường hàng hóa dịch vụ công sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng

các công nghệ ĐMST có kết quả thành công được cơ quan có thẩm quyền đánh giá, công nhận.

- Về việc thành lập Quỹ: Điều 12 của Dự thảo có đề cập tới việc thành lập Quỹ Đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia. Đề nghị Ban soạn thảo xem xét sửa lại nội dung theo hướng Quỹ này sẽ hỗ trợ cho tất cả các trung tâm đổi mới sáng tạo chứ không chỉ dành cho riêng Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia của Bộ KH&ĐT.

### 3. Kiến nghị, đề xuất:

- Đề nghị bổ sung thêm căn cứ là Luật KH&CN trong Nghị định: Tại phần đầu của Dự thảo Nghị định về các căn cứ, đề nghị bổ sung thêm căn cứ là Luật KH&CN năm 2013 (Luật KH&CN hợp nhất năm 2022) vì Luật KH&CN có đề cập tới nội hàm đổi mới sáng tạo và tại Điều 47 của Luật có đề cập tới nội dung khuyến khích các hoạt động đổi mới sáng tạo.

- Trong Tờ trình, Bộ KH&ĐT cũng đã nêu rõ linh thần chỉ đạo trong Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị: “Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh”; “Tạo lập đồng bộ và kịp thời khung pháp lý và hệ thống các chính sách để triển khai và phát triển các công nghệ mới”; “Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh”. Như vậy, cần thể chế hoá các cơ chế, chính sách ưu tiên đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo, trong đó có cả Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia thuộc Bộ KH&ĐT.

Luật Đầu tư năm 2020 quy định đối tượng ưu tiên là: “Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển” (Điều 15). Như vậy, tất cả các trung tâm đổi mới sáng tạo đều là đối tượng ưu tiên chứ không chỉ ưu tiên cho riêng Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia thuộc Bộ KH&ĐT chỉ là một đơn vị trong rất nhiều trung tâm đổi mới sáng tạo ở nước ta.

Trên đây là báo cáo kết quả tọa đàm lấy ý kiến góp ý của các tổ chức, nhà khoa học cho dự thảo góp ý về Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

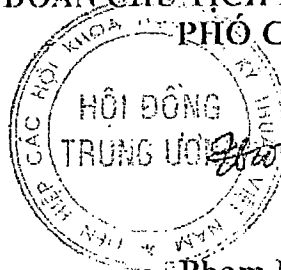
Liên hiệp Hội Việt Nam xin báo cáo đề Ban soạn thảo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, đưa vào Dự thảo Nghị định.

Trân trọng./

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRUNG ƯƠNG  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KH&CNMT, TVPB.



Phạm Ngọc Linh

UBND TỈNH QUẢNG NAM  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 2323/SKHĐT-TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 09 tháng 8 năm 2024

và Đầu tư, Tỉnh  
Quảng Nam  
Email:  
skhdt@quangnam.g

Thời gian ký:  
09.08.2024 11:19:34  
+07:00

V/v ý kiến đối với dự thảo Nghị định  
thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-  
CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công văn số 5484/UBND-KTTH ngày 23/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (thay UBND tỉnh).

Qua nghiên cứu, tổng hợp ý kiến của các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TT (Ng.Thương).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Thử



Số: 2681/KHĐT-DN

Hải Phòng, ngày 09 tháng 8 năm 2024

V/v góp ý dự thảo Nghị định thay thế  
Nghị định số 94/2020/NĐ-CP.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Văn bản số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng xin báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư như sau:

1. Cơ bản nhất trí với Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

2. Xin góp ý chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung như sau:

- Tại Điểm c, Khoản 1, Điều 5 của Dự thảo Nghị định quy định:

*“c) Thành viên gia đình (bao gồm ... con nuôi dưới 18 tuổi) của cá nhân nêu tại điểm a khoản này”*. Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đổi thành: *“c) Thành viên gia đình (bao gồm ... con nuôi hợp pháp dưới 18 tuổi) của cá nhân nêu tại điểm a khoản này”*. Đồng thời đề nghị cơ quan soạn thảo lựa chọn Phương án 1 bỏ Phương án 2.

- Tại Khoản 5, Điều 17 của Dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh các điều, khoản dẫn chiếu đảm bảo phù hợp với Dự thảo Nghị định và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Tại Điều 18 của Dự thảo Nghị định quy định về Điều khoản thi hành chỉ nêu về ngày Nghị định thay thế có hiệu lực mà chưa đề cập đến quy định khi Nghị định thay thế có hiệu lực thi hành thì Nghị định bị thay thế (bao gồm cả các quy định được sửa đổi, bổ sung của Nghị định bị thay thế) sẽ hết hiệu lực thi hành.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Khoản 2 tại Dự thảo Nghị định thành Khoản 3 và bổ sung Khoản 2 mới vào Điều 18 như sau:

*“2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, quy định tại các Nghị định sau đây hết hiệu lực thi hành:*

*a) Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia;*

b) Điều 113 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư”.

Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND TP (để b/c);
- GD, PGĐ N.T.Long, PGĐ B.T.Phong;
- Lưu: VT, DN (Huê).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thanh Long**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11257/SKHĐT-DNKTTT&amp;TN Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Về góp ý đối với dự thảo Nghị định thay  
thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 8812/VP-KT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP (đính kèm Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư); sau khi rà soát, phối hợp cùng các cơ quan có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Thống nhất cơ bản dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia

2. Một số nội dung góp ý:

a) Tại phần căn cứ pháp lý: đề nghị thay thế Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 bằng Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

b) Tại Mục 3 Chương II: đề nghị bổ sung các ưu đãi cho các đối tác của Trung tâm và thời gian Nhà nước hỗ trợ các ưu đãi này.

c) Đề xuất làm rõ các điều kiện/thủ tục để các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp khác được áp dụng một phần hoặc toàn bộ cơ chế, chính sách quy định tại Nghị định (theo khoản 1 Điều 17).

d) Đề nghị ban soạn thảo cân nhắc một số nội dung đặc thù trong dự thảo Nghị định để phù hợp hơn với cấp có thẩm quyền ban hành.

e) Tại Điều 7, dự thảo Nghị định, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư 2020:

"2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng

trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư”.

- Ngày 06 tháng 10 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg của quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt. Quyết định này quy định về mức, thời gian và điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư; trong đó, quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định này:

“Điều 7. Ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước

...

3. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 22 năm và giảm 75% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này”.

Trong đó, khoản 3 Điều 5 Quyết định này:

“3. Thuế suất ưu đãi 5% trong thời gian 37 năm áp dụng đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ...”

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Tp (để b/c);
- Lưu: VT, P.DNKTTT&TN (Ninhbd).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Quách Ngọc Tuấn

UBND TP. CẦN THƠ  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2356/SKHĐT-KT

Cần Thơ, ngày 06 tháng 8 năm 2024

Về việc góp ý dự thảo Nghị  
định thay thế Nghị định số  
94/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 2023/VPUB-TH ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Qua nghiên cứu và tổng hợp ý kiến của các đơn vị về góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

- Tại khoản 2, Điều 5, Mục 1, Chương II, dự thảo Nghị định: Thống nhất chọn phương án 2 (trang 4 của Dự thảo).

- Tại Mục 3, Chương II, đề nghị bổ sung “các trung tâm thực hiện chức năng đổi mới sáng tạo tại các địa phương” và viết lại như sau: Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cá nhân, tổ chức hoạt động tại trung tâm, các trung tâm thực hiện chức năng đổi mới sáng tạo tại các địa phương.

- Tại Điều 14, Mục 3, Chương II, đề nghị bổ sung khoản 7 với nội dung như sau: Được chia sẻ các nguồn lực hỗ trợ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

- Đối với các nội dung khác Sở Kế hoạch và Đầu tư không có ý kiến.

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

## Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố (để b/c);
- Lưu VT, KT<sub>MH</sub>.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Quốc Trọng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
CỤC QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

572

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia

Cục Quản lý đăng ký kinh doanh nhận được Công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ ta về việc lấy ý đối với Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP. Về vấn đề này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh cơ bản nhất trí với Dự thảo Nghị định nêu trên. Bên cạnh đó, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh có ý kiến đối với Dự thảo Nghị định như sau:

- Tại phần căn cứ, đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa: “Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 ngày 18 tháng 01 năm 2024”.

- Tại khoản 2 Điều 5, đề nghị Ban soạn thảo xem xét lựa chọn phương án 2, để phù hợp với mục tiêu có cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm và tổ chức cá nhân hoạt động tại Trung tâm.

- Tại điểm đ khoản 3 Điều 8, đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa điều khoản dẫn chiếu như sau: “đ) Các khoản tài trợ không phải là tiền, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 3 Điều này phải được quy đổi ra tiền...”.

- Tại điểm e khoản 3 Điều 8, đề nghị Ban soạn thảo chỉnh sửa: “e) Bên tài trợ, ~~viện trợ~~ tặng cho phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tài trợ, ~~viện trợ~~ tặng cho”.

- Tại Điều 12, về nội dung thành lập Quỹ Đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia, đề nghị Ban soạn thảo xem xét nghiên cứu, bổ sung và làm rõ các quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ.

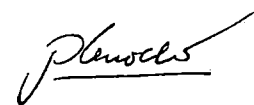
- Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 thì: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp đăng ký doanh nghiệp. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại nội dung tại khoản 1 Điều 15 quy định thời hạn cấp đăng ký doanh nghiệp trong 01 ngày làm việc đối với các cá nhân, doanh nghiệp hoạt động tại Trung tâm khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Xin gửi Quý Trung tâm để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ. /ly

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TH.LT(3).

CỤC TRƯỞNG



Phùng Quốc Chí

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
VĂN PHÒNG BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3M /VP-THKS

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2024

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị  
định thay thế Nghị định số  
94/2020/NĐ-CP

Kính gửi: Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia

Văn phòng Bộ nhận được văn bản ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Quý Trung tâm về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP. Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Văn phòng Bộ có ý kiến như sau:

I. Về dự thảo Tờ trình: Thống nhất với dự thảo Tờ trình.

II. Về dự thảo Nghị định:

1. Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý: “Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2023”.

2. Tại điểm e khoản 3 Điều 8: Dự thảo đề cập đến nội dung “viện trợ”, tuy nhiên quy trình tiếp nhận chưa đề cập đến nội dung này. Đồng thời, Điều 8 Nghị định số 94/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 113 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Do vậy, đề nghị rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.

3. Tại khoản 2 Điều 11: Giai đoạn 2023-2025, Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) đã được giao quyền tự chủ tài chính tại Quyết định số 1672/QĐ-BKHĐT ngày 09/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, NIC được phân loại là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Về nội dung hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Do đây là cơ chế đặc thù nên sẽ thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của cấp có thẩm quyền.

4. Tại khoản 1 Điều 18: Đề nghị rà soát, bổ sung thông tin Nghị định này sẽ thay thế những Nghị định nào.

Trên đây là ý kiến của Văn phòng Bộ gửi đề Quý Trung tâm tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ. / *90*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- P.KHTC, P.TV;
- Lưu: VT, P.THKS. *vt*

CHÁNH VĂN PHÒNG



Bùi Anh Tuấn



**VỤ KHOA HỌC, GIÁO DỤC,  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024*

Kính gửi: Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia

Thực hiện văn bản số 5662/BKHĐT-ĐMST ngày 18/7/2024 về việc góp ý đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP (Dự thảo), Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường có ý kiến như sau:

- Về Bộ cục và nội dung cơ bản của Dự thảo: Đề nghị xem xét bổ sung cơ chế, chính sách ưu đãi đối với *đối tác của Trung tâm* (đối tượng áp dụng).

- Về đối tượng áp dụng:

+ Đề nghị xác định rõ các *đối tác với Trung tâm* là các đơn vị sự nghiệp công lập (viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục và đào tạo... hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp ở trung ương và địa phương) để có cơ chế, chính sách ưu đãi thích hợp (với đặc thù của các tổ chức do cơ quan nhà nước thành lập, với ưu đãi đang thụ hưởng) nhằm “hỗ trợ triển khai các chương trình, hoạt động thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, hỗ trợ Trung tâm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao” và phát triển mạng lưới hỗ trợ đổi mới sáng tạo mạnh mẽ và hiệu quả.

+ Đề nghị sử dụng thống nhất và hợp lý cụm từ “cá nhân, tổ chức khởi nghiệp sáng tạo, đối tác của Trung tâm” tại Dự thảo và Tờ trình.

+ Bổ sung giải thích từ ngữ đối với “2. Trung tâm, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...” của Điều 6. Ưu đãi về tín dụng đầu tư tại Dự thảo.

- Về Điều 11. Cơ chế tài chính, đầu tư, đề nghị hoàn thiện là: “Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên hằng năm của Trung tâm đến hết năm 2030”.

- Về Điều 12. Thành lập Quỹ Đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia: đề nghị thống nhất về lĩnh vực “công nghệ ưu tiên phát triển của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia” và lĩnh vực “công nghệ cao”.

- Về Điều 13. Cung cấp dịch vụ: Đối với trường hợp cá nhân, tổ chức khởi nghiệp sáng tạo, đối tác của Trung tâm sử dụng phòng/xưởng sản xuất thử nghiệm có diện tích lớn, nằm ngoài không gian của Trung tâm tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, đề nghị xem xét bổ sung hình thức và dịch vụ hợp lý đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và đồng đều, hài hòa giữa các đối tượng, đối tác của Trung tâm; xem xét bổ sung vào Khoản 2, Điều này.

- Về Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan: đề nghị rà soát vị trí, vai trò, tác động và ảnh hưởng của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc tới Trung tâm để xem xét có quy định cụ thể về trách nhiệm của tổ chức này (nếu cần thiết).

Trên đây là một số ý kiến của Vụ KHGD TN&MT để Quý Trung tâm nghiên cứu, tổng hợp và hoàn thiện các Dự thảo và Tờ trình.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu Vụ.

**VỤ TRƯỞNG**

---

**Lê Việt Anh**

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ  
KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 556 /QLKTTW-XH  
V/v có ý kiến đối với dự thảo Nghị định  
thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia

Phúc đáp công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định), Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương có ý kiến như sau:

- Đề nghị rà soát phần Căn cứ để loại các văn bản hết hiệu lực và bổ sung văn bản mới ban hành (chẳng hạn Luật đất đai 2024 có hiệu lực từ 1/8/2024 nhưng chưa được đưa vào, Dự thảo Nghị định có nội dung quy định về cấp phép lao động nhưng lại không đưa căn cứ Bộ Luật lao động). Bên cạnh đó, Dự thảo Nghị định đề cập nhiều đến khoa học và công nghệ, đến nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam nhưng Luật Khoa học và Công nghệ và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam chưa được đưa vào phần Căn cứ.

- Đối với các quy định liên quan tới ưu đãi cần đưa ra các căn cứ, minh chứng và lập luận cụ thể (bao gồm các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành). Các đề xuất về cơ chế ưu đãi cần được đánh giá ưu điểm, hạn chế, rủi ro có thể xảy ra và biện pháp xử lý rủi ro.

- Điều 3 khoản 3 đề nghị xem xét làm rõ khái niệm một số cụm từ được sử dụng trong Dự thảo Nghị định như: “đổi mới sáng tạo”, “hệ sinh thái khởi nghiệp”, “hệ sinh thái đổi mới sáng tạo”, “đầu tư mạo hiểm”, “Hội đồng quản lý”, ...

- Điều 4 khoản 3 đề nghị xem xét bỏ đoạn "Ngoài ra, Trung tâm được thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù riêng quy định tại Nghị định này" do toàn bộ Nghị định đã quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm.

- Điều 4 khoản 4 đề nghị bổ sung nội dung việc thực hiện quản lý các cơ sở lưu trú đảm bảo các yêu cầu về quản lý chuyên ngành đối với cơ sở lưu trú.

- Điều 4 khoản 5 đề nghị rà soát và thống nhất tên gọi của Quỹ với quy định tại Điều 12.

- Điều 4 khoản 6 đề nghị làm rõ nội hàm của "cao nhất" và "thuận lợi nhất" quy định trong Dự thảo Nghị định.

- Điều 5 đề nghị xác định và lựa chọn phương án cuối cùng trong Dự thảo Nghị định và giải thích rõ lý do trong Tờ trình. Tại điểm a, Khoản 1, Điều 5, đề nghị

xem xét bổ sung cụm từ “của Trung tâm” sau cụm từ “đối tác” cho rõ và nhất quán với phân giải thích từ ngữ ở Điều 3. Bên cạnh đó, đối với Khoản 2 thuộc Phương án 2, cần có quy định về đăng ký lưu trú tại cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo an ninh trật tự và tránh một số rủi ro có thể xảy ra khi có trường hợp lợi dụng điểm này để hoạt động phi pháp ở Việt Nam.

- Điều 7 khoản 2 quy định về nộp tiền thuê đất, đề nghị rà soát, thống nhất với quy định của Luật đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý cho việc Trung tâm không thuộc đối tượng nộp tiền thuê đất trong trường hợp sử dụng tài sản gắn liền với đất kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Điều 8 đề nghị rà soát việc tiếp nhận và sử dụng các khoản tài trợ, tặng cho theo các quy định hiện hành, tránh các rủi ro (nếu có) về tài chính cũng như về kỹ thuật, công nghệ và an ninh an toàn. Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý khi Trung tâm được thực hiện cơ chế tự chủ áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thì các khoản tài trợ và phần lãi tiền gửi các khoản tài trợ được quản lý theo cơ chế là nguồn thu hợp pháp của Trung tâm, không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước phù hợp với quy định tại Điều 11 khoản 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đề nghị xem xét thay cụm từ “không phải thực hiện thủ tục xác lập sở hữu toàn dân” bằng cụm từ “theo quy định của pháp luật hiện hành”. Đề nghị xem lại điểm đ, Khoản 3, Điều này không có khoản 5.

- Điều 10 khoản 1 đề nghị làm rõ khi Trung tâm được thực hiện cơ chế tự chủ áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thì việc tuyển dụng viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật là theo cơ chế nào.

- Điều 10 khoản 2 đề nghị quy định rõ hơn về tiêu chuẩn, điều kiện khi tuyển dụng lao động hợp đồng vào các vị trí quản lý khác nhau trong Trung tâm. Bên cạnh đó, đề nghị làm rõ “Hội đồng quản lý” gồm những ai? Quy định ở đâu trong Dự thảo Nghị định?

- Trung tâm Đối mới sáng tạo Quốc gia có tham gia góp vốn điều lệ vào Quỹ, trong khi Trung tâm là Đơn vị sự nghiệp công có sử dụng NSNN, điểm a, Khoản 4, Điều 12 có đề cập đến đầu tư mạo hiểm, vậy trong trường hợp khoản đầu tư đó sử dụng Quỹ có sự đóng góp của Trung tâm mà bị thất bại thì Trung tâm có được miễn trừ trách nhiệm hình sự không? Đề nghị quy định rõ điểm này.

- Điều 13 đề nghị bổ sung nội dung hỗ trợ về máy móc, thiết bị do Trung tâm được nhận tài trợ, cho tặng bằng máy móc, thiết bị, phòng thí nghiệm.

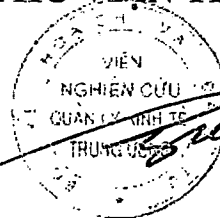
Trên đây là nội dung ý kiến của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đối mới sáng

tạo Quốc gia, đề nghị Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, XH.

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**Lương Văn Khôi**

Kính gửi: Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng Trần Duy Đông tại văn bản số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/NĐ-CP, Vụ Tài chính, tiền tệ có ý kiến như sau:

### 1. Về cơ sở pháp lý ban hành tại dự thảo Nghị định

Một số văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại phần căn cứ ban hành của dự thảo Nghị định hiện đã có văn bản mới ban hành thay thế hoặc bổ sung, sửa đổi<sup>1</sup>. Vì vậy, đề nghị NIC rà soát lại về thời gian ban hành, hiệu lực thi hành của các văn bản nói trên, nhằm đảm bảo tính chính xác khi xác định cơ sở ban hành theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 vào cơ sở pháp lý ban hành và viện dẫn hiệu lực áp dụng một cách phù hợp tại nội dung dự thảo Nghị định.

### 2. Về cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích phát triển chung (Điều 4 dự thảo Nghị định)

Tại khoản 6 Điều 4, đề nghị NIC nghiên cứu, quy định rõ hơn về cơ chế, chính sách ưu đãi cụ thể và xác định chính xác các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cần được viện dẫn nhằm tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước, Trung tâm và cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong quá trình triển khai thực hiện, đồng thời, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật<sup>2</sup>.

### 3. Về thị thực và lao động nước ngoài (Điều 5 dự thảo Nghị định)

Tại khoản 2 Điều 5, đề nghị NIC bổ sung nội dung đánh giá cụ thể, toàn diện hơn về các tác động tích cực, tiêu cực của từng phương án quy định về quy trình, thủ tục cấp Giấy phép lao động. Đặc biệt, đề nghị NIC bổ sung nội dung

(1) Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 ban hành thay thế cho Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 sửa đổi, bổ sung nội dung của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

(2) “Điều 8. Ngôn ngữ, kỹ thuật văn bản quy phạm pháp luật

2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.”

thuyết minh chi tiết tại dự thảo Tờ trình Chính phủ về lý do lựa chọn đối với phương án được cơ quan soạn thảo cân nhắc.

#### 4. Về ưu đãi đất đai và tạo mặt bằng hoạt động (Điều 7 dự thảo Nghị định)

- Tại khoản 1 Điều này, đề nghị NIC rà soát lại các nội dung về thời hạn thuê đất của Trung tâm tại các khu công nghệ cao và chính sách miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê, đảm bảo đồng bộ, phù hợp với Luật Đất đai 2024 và Nghị định 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất.

- Tại khoản 2 Điều này, đề nghị NIC nghiên cứu, bổ sung vào dự thảo Tờ trình Chính phủ nội dung thuyết minh về cơ sở chính trị, căn cứ pháp lý của quy định “*Trung tâm không thuộc đối tượng nộp tiền thuê đất trong trường hợp sử dụng tài sản gắn liền với đất để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết*”. Đồng thời, nội dung nêu trên cần được rà soát, đối chiếu kỹ lưỡng với các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; về quyền, nghĩa vụ, cách tính tiền thuê đất và chính sách miễn, giảm tiền thuê đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng đất do Nhà nước cho thuê đất tại Luật Đất đai 2024 (khoản 3 Điều 30<sup>3</sup>, khoản 2 Điều 34<sup>4</sup> và điểm a khoản 1 Điều 157<sup>5</sup>) và Nghị định 103/2024/NĐ-CP (khoản 3 Điều 30<sup>6</sup>). Trường hợp phát hiện trở ngại, vướng mắc trong các quy định có liên quan, đề nghị NIC báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

#### <sup>(3)</sup> “Điều 30. Quyền lựa chọn hình thức trả tiền thuê đất

3. Đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất mà có nhu cầu sử dụng một phần hoặc toàn bộ diện tích được giao để sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ thì được lựa chọn chuyển sang hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với phần diện tích đó.”

#### <sup>(4)</sup> “Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc sử dụng đất do Nhà nước cho thuê đất thu tiền hằng năm

2. Đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm không thuộc trường hợp sử dụng đất để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 202 của Luật này thì có quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, trừ quyền bán, quyền thế chấp và quyền góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất và quyền thuê trong hợp đồng thuê đất. Việc khai thác, sử dụng quỹ đất đã được Nhà nước cho thuê đất kết hợp vào mục đích khác thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với đất đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất thì được phép chủ động khai thác, sử dụng kết hợp đa mục đích theo phương án được cơ quan chủ quản phê duyệt phù hợp với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; trường hợp có đầu tư xây dựng công trình trên đất phải phù hợp với pháp luật về xây dựng. Việc khai thác, sử dụng đất kết hợp đa mục đích phải được hạch toán theo quy định của pháp luật;

b) Đối với đất do đơn vị sự nghiệp công lập đang sử dụng mà có nhu cầu cho thuê, liên doanh, liên kết với tổ chức kinh tế thì phải có đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.”

#### <sup>(5)</sup> “Điều 157. Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan, trừ trường hợp sử dụng đất xây dựng nhà ở thương mại, sử dụng đất thương mại, dịch vụ;”

#### <sup>(6)</sup> “Điều 30. Tính tiền thuê đất

3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập lựa chọn hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Đất đai thì tính tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập không lựa chọn hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm mà sử dụng nhà, công trình gắn liền với đất để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, không phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này.

## 5. Về cung cấp dịch vụ (Điều 13 dự thảo Nghị định)

Tại Điều 13, đề nghị NIC làm rõ hơn về khái niệm “*dịch vụ sự nghiệp*” là *dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước hay dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước* để có cơ sở tính đúng, tính đủ giá, phí dịch vụ sự nghiệp công, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định pháp luật về dịch vụ sự nghiệp công.

Trên đây là ý kiến của Vụ Tài chính, tiền tệ kính gửi Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia nghiên cứu, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCTT (N.N).

**VỤ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thế Ngân**





**QUỸ PHÁT TRIỂN  
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 157 /QDNNVV- PC  
V/v có ý kiến đối với dự thảo Nghị định  
thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia

Phúc đáp văn bản số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị có ý kiến đối với dự thảo Tờ trình và Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (Dự thảo Nghị định), sau khi nghiên cứu, Quý Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa có ý kiến như sau:

**I. Đối với nội dung dự thảo Nghị định**

- Cần rà soát, bổ sung căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019, Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2030/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 tại phân căn cứ xây dựng Nghị định.

- Tại Điều 4: Trung tâm được thực hiện cơ chế tự chủ áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Vì vậy, cần rà soát lại quy định tại điều 11, Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Trung tâm đến năm 2030, đảm bảo phù hợp quy định tại Luật ngân sách nhà nước.

- Khoản 2 Điều 5: Đối với trường hợp người lao động nước ngoài không thuộc diện phải đề nghị cấp giấy phép lao động cần quy định thống nhất quy định tại Điều 154 Bộ Luật Lao động năm 2019 và Điều 7 Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động nước ngoài cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam.

- Tại Điều 8: Cần nhắc bổ sung cụm từ "quản lý" tại tên Điều đảm bảo phù hợp với nội dung tại khoản 2.

- Tại Điều 10: Cần rà soát và cần nhắc quy định đối với nhiệm kỳ của người quản lý, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và gắn với tính chất đặc thù của Trung tâm.

- Tại Điều 12: Cần nhắc việc quy định chi tiết các nội dung về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia tại văn bản quy phạm pháp luật riêng biệt để đảm bảo tính chặt chẽ, hợp lý, khả thi của quy định.

- Xem xét bổ sung quy định về hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp đối với quy định tại Nghị định.

## 2. Đối với nội dung dự thảo Tờ trình

Đề nghị rà soát nội dung tại Mục VII của Dự thảo Tờ trình nhằm đảm bảo theo mẫu tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ để đảm bảo các thành phần hồ sơ theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên đây là một số ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định, kính gửi Quý Trung tâm tham khảo, tổng hợp. /

### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV (đề b/c);
- Lưu: VT, PC.

GIÁM ĐỐC



Số: 9425 /CNVTQĐ-CNCNC

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

V/v ý kiến đối với dự thảo Nghị định  
thay thế ND số 94/2020/ND-CP

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc đáp công văn số 5662/BKHĐT-TTĐMST của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 94/2020/ND-CP, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) có ý kiến như sau:

**1. Về hoạt động của Quỹ đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia (Điều 12)**

Đề nghị bổ sung hoạt động tài trợ của Quỹ Đầu tư, hỗ trợ đổi mới sáng tạo Quốc gia như sau:

- Tài trợ cho hoạt động nghiên cứu phát triển, hoạt động sáng kiến ý tưởng, hoạt động sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao.

Lý do: Doanh nghiệp chính là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm”. Việc tài trợ cho hoạt động nghiên cứu phát triển, hoạt động sáng kiến ý tưởng, hoạt động sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp sẽ thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Từ đó, thúc đẩy sự phát triển của hệ thống đổi mới sáng tạo tại quốc gia.

**2. Về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cá nhân, tổ chức hoạt động tại Trung tâm (Mục 3 chương II)**

- Bổ sung chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu, thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Lý do: Nhằm khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp hoạt động tại Trung tâm triển khai thực hiện các chương trình, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

**3. Về thị thực và lao động nước ngoài (Điều 5)**

Trong 2 phương án đã nêu trong dự thảo Nghị định, đề nghị lựa chọn phương án 2. Cụ thể:

“2. Người lao động nước ngoài không thuộc diện phải đề nghị cấp giấy phép lao động trong các trường hợp sau:

- a) Có hợp đồng lao động với Trung tâm;
- b) Có hợp đồng lao động với các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ cho Trung tâm và thực hiện công việc liên quan trực tiếp đến các hoạt động của Trung tâm;
- c) Có hợp đồng lao động với các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động tại cơ sở của Trung tâm;
- d) Trình tự, thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam”.

Lý do: Phương án này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người lao động nước ngoài nhằm khuyến khích, thu hút lao động nước ngoài có trình độ cao đến làm việc tại Trung tâm.

Trên đây là ý kiến của Viettel đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020. Viettel kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, tổng hợp.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, CNCNC; NMT (03b).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Thiếu tướng Nguyễn Đình Chiến

TẬP ĐOÀN  
BUU CHÍNH VIỄN THÔNG  
VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6974/VNPT-PTTT  
V/v góp ý dự thảo Nghị định thay thế  
Nghị định số 94/2020/NĐ-CP (Bộ KHĐT)

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp văn bản số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/07/2024 về việc lấy ý kiến với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP, của Bộ KHĐT; Căn cứ vào dự thảo Nghị định kèm theo. Tập đoàn VNPT xin có ý kiến đóng góp như sau:

**1. Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh):**

Theo quy định tại Điều 1: phạm vi điều chỉnh của Dự thảo bao gồm các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với: (i) Trung tâm; (ii) Tổ chức và cá nhân hoạt động tại Trung tâm và (iii) các đối tác của Trung tâm.

Tuy nhiên, nội dung Dự thảo hiện nay chỉ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm và các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Trung tâm (không quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với đối tác của Trung tâm). Do đó đề xuất Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định để đảm bảo thống nhất các quy định trong dự thảo.

**2. Điều 14 (Khoản 5):**

Dự thảo nghị định quy định "Cá nhân tổ chức hoạt động tại trung tâm được ưu tiên xét chọn tham gia các chương trình hoạt động tài trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của Trung tâm". Tuy nhiên, quy định này còn chưa cụ thể về các ưu tiên mà cá nhân và tổ chức sẽ được hưởng. Đề xuất Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định làm rõ hơn những ưu tiên này để đảm bảo minh bạch và thu hút nhiều hơn sự tham gia của các cá nhân, tổ chức vào các chương trình của Trung tâm.

**3. Điều 18 (Điều khoản thi hành):**

Để phù hợp với quy định khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định khoản 1 Điều 18 như sau:

"Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 20... và thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia”.

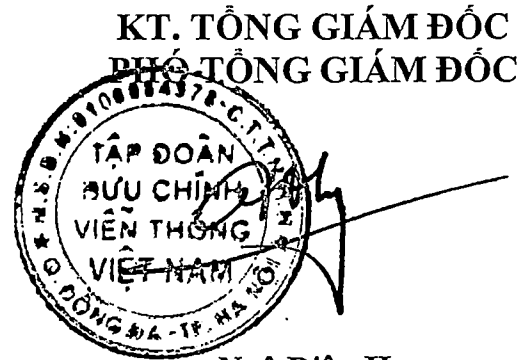
Tập đoàn VNPT xin có một số ý kiến để Bộ KHĐT xem xét và tổng hợp hoàn thiện Nghị định.

Trân trọng!./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Tổng Giám đốc TĐ (để b/c);
- Ban PTTT, PCTT, TT R&D (để p/h);
- Lưu: VT, PTTT(ĐVA).

Số eOffice: 656553/VBĐT



Ngô Diên Hy

**BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5179/BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2024

V/v hoàn thiện Hồ sơ gửi thẩm định dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Trả lời Công văn số 7201/BKHĐT-TTĐMST ngày 09/9/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia, qua kiểm tra hồ sơ gửi kèm Công văn số 7201/BKHĐT-TTĐMST (trên hệ thống trực liên thông văn bản điện tử)<sup>1</sup>, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Thành phần hồ sơ đề nghị thẩm định kèm theo Công văn số 7201/BKHĐT-TTĐMST gửi Bộ Tư pháp chưa đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và khoản 16 Điều 1 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, trong đó còn thiếu: (i) Tờ trình Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định phải là bản chính thức (ký, đóng dấu và có số của cơ quan phát hành); (ii) dự thảo Nghị định cần đóng dấu giáp lai theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP và phải là dự thảo 3 (theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 50/2024/NĐ-CP) quy định về đánh số thứ tự của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; (iii) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo nghị định; (iv) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; bản chụp ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; (v) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị định; (vi) bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo, nếu trong dự thảo có quy định thủ tục hành chính; (viii) báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, nếu trong dự thảo có

<sup>1</sup> Bộ Tư pháp chưa nhận được hồ sơ được gửi bằng văn bản giấy (theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)).

quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới.

Vì vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu đầy đủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP) và hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Tư pháp để thẩm định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Thời hạn thẩm định được tính từ ngày Bộ Tư pháp nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo số đăng ký văn bản đến).

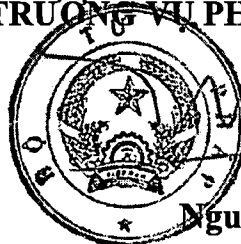
2. Theo quy định tại Điều 91 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), trong quá trình soạn thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị định phải lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Tuy nhiên, hồ sơ đề nghị thẩm định còn thiếu ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính.... Vì vậy, để có cơ sở cho Bộ Tư pháp thẩm định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến đầy đủ các cơ quan có liên quan; từ đó hoàn thiện dự thảo Nghị định và các tài liệu có liên quan.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về hồ sơ gửi Bộ Tư pháp để thẩm định dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, xin gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Trần Tiến Dũng (để b/c);
- PVT Cao Đăng Vinh (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (LĐ&ASXH.Tùng).

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ**



**Nguyễn Thanh Tú**



## BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

### I. Xác định vấn đề tổng quan

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030 đề ra chủ trương *thúc đẩy mạnh mẽ các trung tâm đổi mới sáng tạo*. Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định chủ trương *“xây dựng chính sách khuyến khích, ưu đãi vượt trội mang tính cạnh tranh quốc tế đối với các dự án lớn, quan trọng để thu hút được các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam”*.

Chính phủ đang đẩy mạnh thực hiện chủ trương thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Theo Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 được ban hành tại Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ, một trong các định hướng chiến lược chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được đề ra là *“Xây dựng, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với việc xây dựng và vận hành các trung tâm đổi mới sáng tạo”*. Tại Chiến lược, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất chính sách, giải pháp thúc đẩy hoạt động của Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia nhằm thực hiện hiệu quả công tác hỗ trợ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; giao Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội rà soát, điều chỉnh các quy định về giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài có trình độ cao đến Việt Nam làm việc trong các ngành công nghệ ưu tiên để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, công viên phần mềm của Việt Nam theo hướng tạo thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế tốt.

Trên cơ sở đó, việc hoàn thiện các chính sách liên quan đến thủ tục hành chính đặc thù trong phạm vi Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia theo hướng thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế tốt là hết sức cần thiết, qua đó góp phần cụ thể và hiện thực hóa các chủ trương, định hướng của Đảng về thúc đẩy đổi mới sáng tạo và Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Mục tiêu của việc đánh giá và điều chỉnh các thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia nhằm: (i) Thúc đẩy môi trường kinh doanh thuận lợi, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí; (ii) Kiến tạo cơ chế thuận lợi nhất cho Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia và các cá nhân, tổ chức hoạt động tại Trung tâm, đảm bảo hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đổi mới sáng tạo; (iii)

Đơn giản hóa và tự động hóa các thủ tục để giảm thiểu gánh nặng hành chính và tăng cường tính minh bạch; và (iv) Tăng cường sử dụng giải pháp số hóa, tạo thuận lợi hơn cho việc đăng ký, cấp phép và quản lý thông tin doanh nghiệp.

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, tại dự án, dự thảo Nghị định quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định và tiến hành đánh giá hai (02) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, gồm (i) xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động và (ii) cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.*

## **II. Đánh giá tác động của từng thủ tục hành chính**

### **1. Đối với những thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới**

Dự án, dự thảo Nghị định không có quy định mới về bộ phận tạo thành thủ tục hành chính. Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không đánh giá tác động và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới.

### **2. Đối với những thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung**

#### **a) Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động**

Dự án, dự thảo Nghị định quy định bổ sung 01 bộ phận tạo thành thủ tục hành chính về xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động, cụ thể như sau:

*Về yêu cầu, điều kiện, dự thảo Nghị định quy định 03 trường hợp người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động, gồm: (i) Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của doanh nghiệp có trụ sở hoặc chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh đặt tại các cơ sở hoạt động của Trung tâm; (ii) Để thực hiện hợp đồng lao động với Trung tâm ở các vị trí công việc quản lý, điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được theo nhu cầu của Trung tâm; và (iii) Để thực hiện hợp đồng lao động với các tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại các cơ sở của Trung tâm vào vị trí công việc quản lý, điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh và làm việc tại các cơ sở của Trung tâm. Theo đó, người sử dụng lao động đủ điều kiện để thực hiện thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.*

#### **Đánh giá cụ thể:**

Việc sửa đổi thủ tục hành chính về việc xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã làm rõ điều kiện cụ thể để chứng minh. Những thay đổi này đã giảm thiểu thủ tục, làm rõ các điều kiện miễn giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, từ đó hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng thu hút nhân tài quốc tế, đặc biệt là ở các vị trí mà nguồn nhân lực trong nước chưa đáp ứng đủ.

Quy định tại dự thảo không làm thay đổi trình tự, hồ sơ, thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được quy định tại Nghị định 152/2020/NĐ-CP. Do đó, quy định không làm phát sinh chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Hơn nữa, việc thực hiện thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động, thay vì phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động, giúp giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nhờ giảm bớt thành phần hồ sơ và trình tự rút gọn.

Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính về xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Trung tâm như trong dự thảo Nghị định là phù hợp với định hướng thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển kinh tế dựa vào khoa học công nghệ của Đảng và Nhà nước. Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút người lao động nước ngoài có trình độ cao đến Việt Nam làm việc, cũng như góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Việt Nam tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

#### *b) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*

Dự án, dự thảo Nghị định quy định sửa đổi, bổ sung 02 bộ phận tạo thành thủ tục hành chính về cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, gồm đối tượng thực hiện và thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. Cụ thể như sau:

*Về thời hạn giải quyết*, quy định tại dự thảo Nghị định đã cụ thể hóa thời hạn xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ “trong thời hạn 03 ngày làm việc” thành “trong thời hạn 01 ngày làm việc” đối với các cá nhân và doanh nghiệp hoạt động tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Quy định này là hợp lý và phù hợp với chủ trương phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, qua đó hỗ trợ các cá nhân, doanh nghiệp sớm đi vào hoạt động và tận dụng cơ hội thị trường, đồng thời không làm mất quyền bình đẳng của các đối tượng khác. Quy định này phù hợp với quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp và không trái với các quy định hiện hành.

*Về đối tượng thực hiện*, phạm vi đối tượng áp dụng bao gồm cả tổ chức và cá nhân hoạt động tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, không phân biệt trong nước hay nước ngoài, cũng như không giới hạn về vùng miền hay ngành nghề. Điều này đảm bảo quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2020, đồng thời đảm bảo sự đồng bộ và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các đối tượng. Việc mở rộng hoặc thu hẹp thêm phạm vi đối tượng là không cần thiết, vì quy định hiện tại đã bao gồm đầy đủ các đối tượng liên quan, đảm bảo tính công bằng và đúng quy định pháp luật.

### ***Đánh giá cụ thể:***

Về tính đơn giản của thủ tục hành chính, quy định thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong 01 ngày làm việc giúp đẩy nhanh quá trình cấp phép, giảm thiểu thời gian chờ đợi, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia nhanh chóng đi vào hoạt động. Quy định cụ thể về thời hạn 01 ngày làm việc đảm bảo tính minh bạch, giúp các cá nhân và doanh nghiệp dễ dàng nắm bắt thời gian xử lý, từ đó chủ động trong việc lập kế hoạch kinh doanh. Bên cạnh đó, quy định này áp dụng cho mọi tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, không phân biệt địa bàn hay lĩnh vực hoạt động, bảo đảm quyền lợi bình đẳng trong việc tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2020.

Về ưu điểm, việc tuân thủ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, thể hiện cam kết của Chính phủ trong việc khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo và xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Quy định thời gian xử lý 01 ngày làm việc phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành như Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp, đảm bảo tính pháp lý và không gây bất lợi cho các đối tượng khác. Việc đề xuất này cũng dựa trên năng lực hiện tại của bộ máy hành chính về nhân lực, phương tiện kỹ thuật và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan, giúp rút ngắn thời gian mà không tạo áp lực quá mức cho cơ quan xử lý. Ngoài ra, việc đơn giản hóa thủ tục hành chính và đẩy nhanh quy trình cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia còn góp phần thu hút đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy phát triển kinh tế dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia.

Quy định tại dự thảo không làm thay đổi trình tự, hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được quy định tại Nghị định 01/2021/NĐ-CP. Do đó, quy định này không làm phát sinh chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính về cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho các cá nhân, doanh nghiệp hoạt động tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia là phù hợp với định hướng thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển kinh tế dựa vào khoa học công nghệ của Đảng và Nhà nước. Việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính này tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khi hoạt động tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, không chỉ đảm bảo tính đơn giản, tiết kiệm, nhanh chóng mà còn khẳng định cam kết của Chính phủ trong việc hỗ trợ phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, trong đó doanh nghiệp là trung tâm.

### ***3. Đối với những thủ tục hành chính được bãi bỏ***

Dự án, dự thảo Nghị định không có quy định bãi bỏ thủ tục hành chính. Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không đánh giá tác động và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính được bãi bỏ.

### III. Lấy ý kiến

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp là cơ quan có trách nhiệm cho ý kiến về thủ tục hành chính quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ.

Thủ tục về xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã lấy ý kiến Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại văn bản số 5662/BKHĐT-TTĐMST ngày 18/7/2024. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã có ý kiến trả lời về nội dung này tại văn bản số 3868/BLĐTBXH-CVL ngày 20/8/2024. Theo đó, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị quy định rõ về tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng khi mở rộng các trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động, đảm bảo thu hút người lao động nước ngoài có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến này như tại dự thảo Nghị định.

Thủ tục về đăng ký thành lập doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong quá trình lấy ý kiến về dự thảo Nghị định không cơ quan nào có ý kiến về quy định này.

**Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung trong dự án, dự thảo văn bản**  
**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** **Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS**

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT HOẶC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**Tên dự án, dự thảo văn bản:** Nghị định quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1:** Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

|  |  |
|--|--|
| <b>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ</b>   | 1. Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019  |
|  | Điều 154   |
|  | 2. Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam  |
|  | Điều 7, Điều 8   |
|  | 3. Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam |
|  | Điểm a, điểm b khoản 4 và điểm b khoản 13 Điều 1   |
|  | 4. Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024  |
|  | Điểm c khoản 3 Điều 24 và khoản 7 Điều 54  |
|  | 5. Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia  |
|  | Điều 5   |
| 6. Dự thảo Nghị định   |  |
| Điều 5   |  |
| <b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC</b> |  |

| <b>HÀNH CHÍNH</b>   |   |
|---|---|
| <b>10. Yêu cầu, điều kiện</b>   |   |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không?   | Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/><br>Lý do quy định: Dự thảo Nghị định quy định bổ sung các trường hợp người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Theo đó, người sử dụng lao động đủ điều kiện để thực hiện thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.   |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1:<br>Người nước ngoài làm việc tại Trung tâm là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của doanh nghiệp có trụ sở hoặc chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh đặt tại các cơ sở hoạt động của Trung tâm.           | - Lý do quy định: Quy định này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư và nhà sáng lập/đồng sáng lập quốc tế (không phụ thuộc vào vốn góp), khuyến khích họ tham gia vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.<br>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:<br>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/><br>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/><br>Người sử dụng lao động cần cung cấp giấy tờ chứng minh tại hồ sơ đề nghị (theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 8 Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam)   |
| b) Yêu cầu, điều kiện 2:<br>Người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện hợp đồng lao động với Trung tâm ở các vị trí công việc quản lý, điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được theo nhu cầu của Trung tâm | - Lý do quy định: Quy định này nhằm giúp Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) thu hút nhân tài quốc tế ở các vị trí mà nguồn nhân lực trong nước chưa đáp ứng được, đặc biệt là các công việc quản lý, điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật cao. Quy định này cho phép Trung tâm thu hút các chuyên gia giàu kinh nghiệm, tăng cường năng lực điều phối, vận hành, đặc biệt là tại các vị trí làm việc tại các cơ sở hoạt động của Trung tâm.<br>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:<br>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/><br>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/><br>Người sử dụng lao động cần cung cấp giấy tờ chứng minh tại hồ sơ đề nghị (theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 8 Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam)<br>+ Thực hiện công việc khác: Sau khi người lao động nước ngoài |

|   |   |
|---|---|
|   | <p>được xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động thì Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc cho người sử dụng lao động.</p>  |
| <p>c) Yêu cầu, điều kiện 3:<br/>Người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện hợp đồng lao động với các tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại các cơ sở của Trung tâm vào vị trí công việc quản lý, điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh và làm việc tại các cơ sở của Trung tâm.</p> | <p>- Lý do quy định: Quy định này nhằm hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia có thể dễ dàng thu hút nhân tài quốc tế cho các vị trí mà nguồn nhân lực Việt Nam chưa đáp ứng đủ, đặc biệt ở các vai trò quản lý, điều hành, chuyên gia, và lao động kỹ thuật cao. Việc miễn giấy phép lao động giúp các doanh nghiệp nhanh chóng bổ sung nguồn lực chất lượng, đảm bảo tiến độ và hiệu quả hoạt động, đồng thời góp phần tăng cường khả năng cạnh tranh và phát triển của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Trung tâm.</p> <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:</p> <p>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Người sử dụng lao động cần cung cấp giấy tờ chứng minh tại hồ sơ đề nghị (theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 8 Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam).</p> <p>+ Thực hiện công việc khác: Sau khi người lao động nước ngoài được xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc cho người sử dụng lao động.</p> |
| <p><b>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b></p>   |   |
| <p>Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Lệ Quyên<br/>Điện thoại cố định: 08043128; Di động: 0916612283<br/>E-mail: quyennntl@nic.gov.vn</p>   |   |



Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung trong dự án, dự thảo văn bản

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT HOẶC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.**

|   |  |
|---|--|
| <b>I. CĂN CỨ PHÁP LÝ</b>  | 1. Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020  |
|   | Khoản 3 Điều 30  |
|   | 2. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp  |
|   | Khoản 1 Điều 33  |
|   | 3. Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia  |
|   | Khoản 1 Điều 12  |
|   | 4. Dự thảo Nghị định   |
| Khoản 1 Điều 14   |  |
| <b>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b> |  |
| <b>5. Thời hạn giải quyết</b>   |  |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?                         | - Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/><br>- Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh nhận được hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ.<br>Lý do quy định:<br>- Việc áp dụng thời gian xử lý ngắn hơn cho một số đối tượng đặc biệt, trong trường hợp này là cá nhân, doanh nghiệp hoạt động tại Trung tâm, hoàn toàn phù hợp với chủ trương về phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Quy định |

|                               |  |
|-------------------------------|--|
|                               | <p>này thể hiện cam kết của Chính phủ trong việc hỗ trợ và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đồng thời thu hút các cá nhân và doanh nghiệp lựa chọn Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia làm nơi khởi đầu cho các hoạt động kinh doanh. Đồng thời, giúp các cá nhân, doanh nghiệp sớm đi vào hoạt động, tận dụng các cơ hội thị trường và tiếp cận nguồn lực cần thiết để phát triển sản phẩm hoặc dịch vụ đổi mới sáng tạo.</p> <p>- Việc rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ không trái với quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và không làm mất quyền bình đẳng của các đối tượng khác, vì tất cả cá nhân, doanh nghiệp vẫn có quyền tiếp cận và thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định chung là 3 ngày làm việc. Quy định này là một cách để khuyến khích các hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp và tạo động lực cho phát triển nền kinh tế dựa vào khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, phù hợp với định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước.</p> <p>- Việc đề xuất thời hạn giải quyết thủ tục hành chính như trên căn cứ vào các yếu tố sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nguồn nhân lực (số lượng, chất lượng cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết TTHC);</li> <li>+ Phương tiện vật chất, kỹ thuật hỗ trợ: Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<a href="http://dangkykinhdoanh.gov.vn">dangkykinhdoanh.gov.vn</a>);</li> <li>+ Tính phức tạp trong hồ sơ;</li> <li>+ Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị quản lý về đăng ký kinh doanh.</li> </ul> |
| <b>6. Đối tượng thực hiện</b> |  |
| a) Đối tượng thực hiện:       | <p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Mô tả: Doanh nghiệp hoạt động tại Trung tâm</p> <p>Lý do quy định: Đảm bảo quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Cá nhân hoạt động tại Trung tâm</p> <p>Lý do quy định: Đảm bảo quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p> <p>- Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>  |

|  |  |
|--|--|
| b) Phạm vi áp dụng:  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></li> <li>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></li> <li>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></li> <li>- Lý do quy định: Mọi tổ chức, cá nhân hoạt động tại Trung tâm, không phân biệt ngành, lĩnh vực, giữa các vùng miền, giữa trong nước với ngoài nước.</li> <li>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?<br/>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></li> </ul> |
| <p>Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: Theo số lượng doanh nghiệp đăng ký hoạt động và khả năng cung cấp không gian làm việc của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia</p> |  |
| <p><b>IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ</b></p>  |  |
| <p>Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Lệ Quyên<br/>         Điện thoại cố định: 08043128; Di động: 0916612283<br/>         E-mail: quyentl@nic.gov.vn</p>                          |  |

**Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM. Tính chi phí tuân thủ thực hành chính trong dự án, dự thảo văn bản**  
**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM*

**CHI PHÍ TUÂN THỦ THỰC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân).

**I. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỰC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI**

| STT      | Các công việc khi thực hiện TTHC  | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/ 01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|---|--|---------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|
| <b>1</b> | <b>Chuẩn bị hồ sơ</b>   |  |                           |                                  |   |                                      |                          |                                    |                               |  |         |
| 1.1      | Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (Trường hợp đã có số định danh cá nhân) | Điền biểu mẫu                            | 6,0                       | 48.249                           | 3.000                                   |                                      | 1                        | 1.607                              | 292.494                       | 470.037.858                                |         |
| 1.2      | Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;                            | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                           | 500                                     |                                      | 1                        | 1.607                              | 48.749                        | 78.339.643                                 |         |
| 1.3      | Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.                                     | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                           | 500                                     |                                      | 1                        | 1.607                              | 48.749                        | 78.339.643                                 |         |

| STT | Các công việc khi thực hiện TTHC  | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------------|---|---------|
| 1.4 | Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường   | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                          | 500                                     |                                      | 1                       | 1.607                              | 48.749                        | 78.339.643                                |         |
| 1.5 | Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                          | 500                                     |                                      | 1                       | 1.607                              | 48.749                        | 78.339.643                                |         |
| 1.6 | Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện                             | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                          | 500                                     |                                      | 1                       | 1.607                              | 48.749                        | 78.339.643                                |         |

| STT | Các công việc khi thực hiện TTHC  | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/ 01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|---|--|---------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|
| 1.7 | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                           | 500                                     |                                      | 1                        | 1.607                              | 48.749                        | 78.339.643                                 |         |
| 1.8 | Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)  | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                           | 500                                     |                                      | 1                        | 401                                | 48.749                        | 19.548.349                                 |         |

| STT | Các công việc khi thực hiện TTHC   | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|--|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------------|---|---------|
| 1.9 | Bản sao Hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn                         | 3,0                       | 48.249                          | 1.500                                   |                                      | 1                       | 401                                | 146.247                       | 58.645.047                                |         |

| STT | Các công việc khi thực hiện TTHC   | Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/ 01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|---|---------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|
| 2   | Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành (trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn                          | 1,0                       | 48.249                           | 500                                     |                                      | 1                        | 401                                | 48.749                        | 19.548.349                                 |         |





| STT         | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/ 01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng) | Ghi chú |
|-------------|----------------------------------|--|---------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|
| 5           | Công việc khác (nếu có)          |  |                           |                                  |   |                                      |                          |                                    |                               |  |         |
| 6           | Nhận kết quả                     | Trực tiếp                                | 4,0                       | 48.249                           | 0                                       | 0                                    | 1                        | 402                                | 192.996                       | 77.536.143                                 |         |
|             |                                  | Bưu chính                                | 1,0                       | 48.249                           | 0                                       | 0                                    | 1                        | 402                                | 48.249                        | 38.768.072                                 |         |
|             |                                  | Internet                                 | 1,0                       | 48.249                           | 0                                       | 0                                    | 1                        | 804                                | 48.249                        | 38.768.072                                 |         |
|             |                                  | Khác                                     |                           |                                  |   |                                      |                          |                                    |                               |  |         |
| <b>TỔNG</b> |                                  |  |                           |                                  |   | <b>8.500</b>                         | <b>50.000</b>            |                                    | <b>1.457.721</b>              | <b>1.408.927.997</b>                       |         |

## II. CHI PHÍ TUÂN THỦ TỰC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Các công việc khi thực hiện TTHC                                 | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/ 01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|--|---------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|
| 1   | Chuẩn bị hồ sơ   |  |                           |                                  |   |                                      |                          |                                    |                               |  |         |
| 1.1 | Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (Trường hợp đã có số định danh | Điện biểu mẫu                            | 6,0                       | 48.249                           | 3.000                                   |                                      | 1                        | 1.607                              | 292.494                       | 470.037.858                                |         |

|     |   |                  |     |        |     |  |   |       |        |            |  |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|-------|--------|------------|--|
|     | cá nhân)  |                  |     |        |     |  |   |       |        |            |  |
| 1.2 | Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 1.607 | 48.749 | 78.339.643 |  |
| 1.3 | Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế.   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 1.607 | 48.749 | 78.339.643 |  |
| 1.4 | Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 1.607 | 48.749 | 78.339.643 |  |
| 1.5 | Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 1.607 | 48.749 | 78.339.643 |  |
| 1.6 | Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện                             | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 1.607 | 48.749 | 78.339.643 |  |

|     |   |                  |     |        |     |  |   |       |        |            |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|-------|--------|------------|
| 1.7 | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 1.607 | 48.749 | 78.339.643 |
| 1.8 | Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 401   | 48.749 | 19.548.349 |

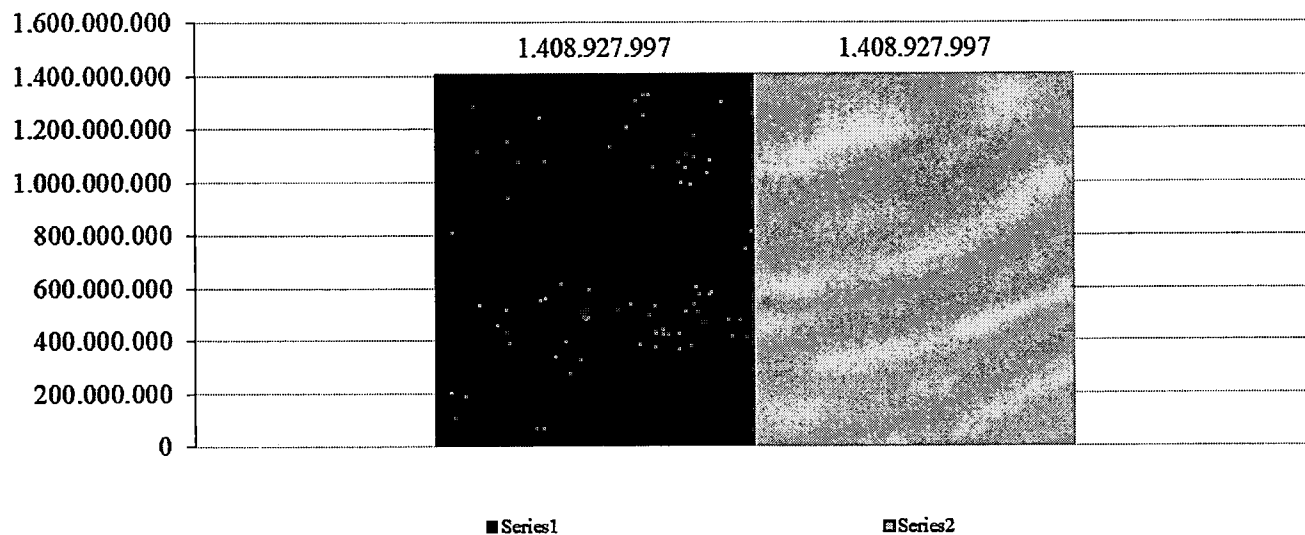
|     |  |                  |     |        |       |  |   |     |         |            |  |
|-----|--|------------------|-----|--------|-------|--|---|-----|---------|------------|--|
| 1.9 | Bản sao Hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 3,0 | 48.249 | 1.500 |  | 1 | 401 | 146.247 | 58.645.047 |  |
| 2   | Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành (trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500   |  | 1 | 401 | 48.749  | 19.548.349 |  |



|  |             |  |  |              |               |  |  |                  |                      |
|--|-------------|--|--|--------------|---------------|--|--|------------------|----------------------|
|  | <b>TỔNG</b> |  |  | <b>8.500</b> | <b>50.000</b> |  |  | <b>1.457.721</b> | <b>1.408.927.997</b> |
|--|-------------|--|--|--------------|---------------|--|--|------------------|----------------------|

### III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính hiện tại và được sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cắt giảm được (màu xanh) sau dự kiến sửa đổi, bổ sung

**Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM. Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản**  
**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM*

**CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên).

**I. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI**

| STT      | Các công việc khi thực hiện TTHC  | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|---|--|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------------|---|---------|
| <b>1</b> | <b>Chuẩn bị hồ sơ</b>   |  |                           |                                 |   |                                      |                         |                                    |                               |   |         |
| 1.1      | Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Trường hợp đã có số định danh cá nhân) | Điền biểu mẫu                            | 10,0                      | 48.249                          | 5.000                                   |                                      | 1                       | 125.381                            | 487.490                       | 61.121.983.690                            |         |
| 1.2      | Điều lệ công ty   | Soạn thảo, in ấn                         | 10,0                      | 48.249                          | 5.000                                   |                                      | 1                       | 125.381                            | 487.490                       | 61.121.983.690                            |         |



|     |  |                  |     |        |     |  |   |         |        |               |  |
|-----|--|------------------|-----|--------|-----|--|---|---------|--------|---------------|--|
| 1.3 | Giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |  |
| 1.4 | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |  |
| 1.5 | Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |  |
| 1.6 | Giấy chứng nhận đăng ký thuế   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |  |
| 1.7 | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |  |
| 1.8 | Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |  |

|     |   |                  |     |        |     |  |   |         |        |               |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|---------|--------|---------------|
| 1.9 | Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |
| 2   | Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện                             | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |
| 2.1 | Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |
| 2.2 | Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)                | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 31.345  | 48.749 | 1.528.049.592 |

|     |  |                  |     |        |       |  |   |        |         |               |
|-----|--|------------------|-----|--------|-------|--|---|--------|---------|---------------|
| 2.3 | Bản sao Hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 3,0 | 48.249 | 1.500 |  | 1 | 31.345 | 146.247 | 4.584.148.777 |
| 2.4 | Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành (trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500   |  | 1 | 31.345 | 48.749  | 1.528.049.592 |



|  |             |  |  |               |               |  |  |  |                  |                        |  |
|--|-------------|--|--|---------------|---------------|--|--|--|------------------|------------------------|--|
|  | <b>TỔNG</b> |  |  | <b>17.000</b> | <b>50.000</b> |  |  |  | <b>2.286.454</b> | <b>213.848.705.171</b> |  |
|--|-------------|--|--|---------------|---------------|--|--|--|------------------|------------------------|--|

## II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT      | Các công việc khi thực hiện TTHC  | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/ 01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|---|--|---------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|
| <b>1</b> | <b>Chuẩn bị hồ sơ</b>   |  |                           |                                  |   |                                      |                          |                                    |                               |  |         |
| 1.1      | Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Trường hợp đã có số định danh cá nhân) | Điền biểu mẫu                            | 10,0                      | 48.249                           | 5.000                                   |                                      | 1                        | 125.381                            | 487.490                       | 61.121.983.690                             |         |
| 1.2      | Điều lệ công ty   | Soạn thảo, in ấn                         | 10,0                      | 48.249                           | 5.000                                   |                                      | 1                        | 125.381                            | 487.490                       | 61.121.983.690                             |         |
| 1.3      | Giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự  | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                           | 500                                     |                                      | 1                        | 125.381                            | 48.749                        | 6.112.198.369                              |         |
| 1.4      | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư              | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                           | 500                                     |                                      | 1                        | 125.381                            | 48.749                        | 6.112.198.369                              |         |

|     |   |                  |     |        |     |  |   |         |        |               |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|---------|--------|---------------|
| 1.5 | Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |
| 1.6 | Giấy chứng nhận đăng ký thuế  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |
| 1.7 | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài          | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |
| 1.8 | Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |
| 1.9 | Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |

|     |  |                  |     |        |     |  |   |         |        |               |
|-----|--|------------------|-----|--------|-----|--|---|---------|--------|---------------|
| 2   | Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện              | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |
| 2.1 | Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 125.381 | 48.749 | 6.112.198.369 |
| 2.2 | Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 31.345  | 48.749 | 1.528.049.592 |

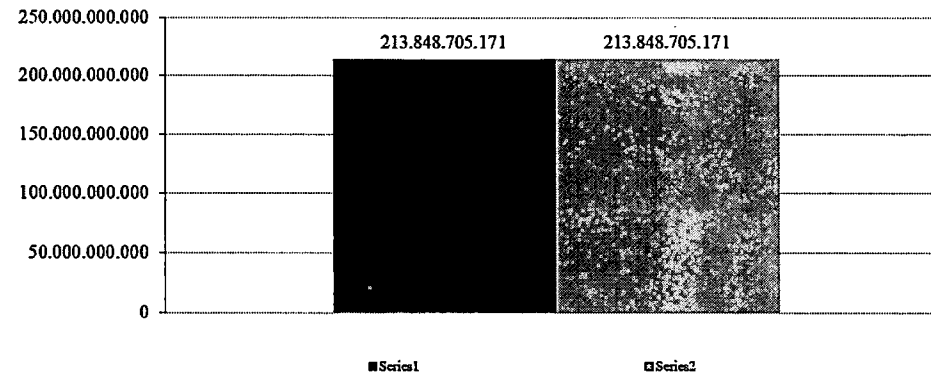
|     |  |                  |     |        |       |  |   |        |         |               |
|-----|--|------------------|-----|--------|-------|--|---|--------|---------|---------------|
| 2.3 | Bản sao Hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 3,0 | 48.249 | 1.500 |  | 1 | 31.345 | 146.247 | 4.584.148.777 |
| 2.4 | Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành (trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500   |  | 1 | 31.345 | 48.749  | 1.528.049.592 |



|     |   |           |     |        |               |               |   |         |                  |                        |  |
|-----|---|-----------|-----|--------|---------------|---------------|---|---------|------------------|------------------------|--|
|     | doanh nghiệp)   |           |     |        |               |               |   |         |                  |                        |  |
| 2   | <b>Nộp hồ sơ</b>  | Trực tiếp | 4,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 31.345  | 192.996          | 6.049.507.869          |  |
|     |   | Bưu chính | 1,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 31.345  | 48.249           | 1.512.376.967          |  |
|     |   | Internet  | 1,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 62.691  | 48.249           | 3.024.753.935          |  |
| 3   | <b>Nộp phí, lệ phí, chi phí khác</b>  |           |     |        |               |               |   |         |                  |                        |  |
| 3.1 | Phí   |           |     |        |               |               |   |         |                  |                        |  |
| 3.2 | Lệ phí  |           |     |        |               | 50.000        | 1 | 125.381 | 50.000           | 6.269.050.000          |  |
| 4   | <b>Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)</b> |           |     |        |               |               |   |         |                  |                        |  |
| 5   | <b>Công việc khác (nếu có)</b>  |           |     |        |               |               |   |         |                  |                        |  |
| 6   | <b>Nhận kết quả</b>   | Trực tiếp | 4,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 31.345  | 192.996          | 6.049.507.869          |  |
|     |   | Bưu chính | 1,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 31.345  | 48.249           | 3.024.753.935          |  |
|     |   | Internet  | 1,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 62.691  | 48.249           | 3.024.753.935          |  |
|     |   | Khác      |     |        |               |               |   |         |                  |                        |  |
|     | <b>TỔNG</b>   |           |     |        | <b>17.000</b> | <b>50.000</b> |   |         | <b>2.286.454</b> | <b>213.848.705.171</b> |  |

### III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính hiện tại và được sửa đổi, bổ sung



**Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cắt giảm được (màu xanh) sau dự kiến sửa đổi, bổ sung**

**Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM. Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản**  
**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM*

**CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên).

**I. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI**

| STT      | Các công việc khi thực hiện TTHC  | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|---|--|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------------|---|---------|
| <b>1</b> | <b>Chuẩn bị hồ sơ</b>   |  |                           |                                 |   |                                      |                         |                                    |                               |   |         |
| 1.1      | Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân) | Điền biểu mẫu                            | 8,0                       | 48.249                          | 4.000                                   |                                      | 1                       | 30.249                             | 389.992                       | 11.796.868.008                            |         |
| 1.2      | Điều lệ công ty   | Soạn thảo, in ấn                         | 10,0                      | 48.249                          | 5.000                                   |                                      | 1                       | 30.249                             | 487.490                       | 14.746.085.010                            |         |
| 1.3      | Danh sách thành viên  | Soạn                                     | 1,0                       | 48.249                          | 500                                     |                                      | 1                       | 30.249                             | 48.749                        | 1.474.608.501                             |         |

|     |   |                     |     |        |     |  |   |        |        |               |  |
|-----|---|---------------------|-----|--------|-----|--|---|--------|--------|---------------|--|
|     |   | thảo, in<br>ấn      |     |        |     |  |   |        |        |               |  |
| 1.4 | Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự | Soạn thảo, in<br>ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |  |
| 1.5 | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư  | Soạn thảo, in<br>ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |  |
| 1.6 | Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh   | Soạn thảo, in<br>ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |  |
| 1.7 | Giấy chứng nhận đăng ký thuế  | Soạn thảo, in<br>ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |  |
| 1.8 | Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường   | Soạn thảo, in<br>ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |  |

|     |   |                  |     |        |     |  |   |        |        |               |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|--------|--------|---------------|
| 1.9 | Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 2   | Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện                             | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 2.1 | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài          | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 2.2 | Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |

|     |  |                  |     |        |     |  |   |        |        |               |
|-----|--|------------------|-----|--------|-----|--|---|--------|--------|---------------|
| 2.3 | Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 2.4 | Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 7.562  | 48.749 | 368.652.125   |

|     |  |                  |     |        |       |  |   |       |         |               |
|-----|--|------------------|-----|--------|-------|--|---|-------|---------|---------------|
| 2.5 | Bản sao Hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 3,0 | 48.249 | 1.500 |  | 1 | 7.562 | 146.247 | 1.105.956.376 |
| 2.6 | Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành (trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500   |  | 1 | 7.562 | 48.749  | 368.652.125   |

|             |  |           |     |        |   |               |               |        |                  |                       |  |
|-------------|--|-----------|-----|--------|---|---------------|---------------|--------|------------------|-----------------------|--|
| 2           | Nộp hồ sơ  | Trực tiếp | 4,0 | 48.249 | 0 | 0             | 1             | 7.562  | 192.996          | 1.459.484.001         |  |
|             |  | Bưu chính | 1,0 | 48.249 | 0 | 0             | 1             | 7.562  | 48.249           | 364.871.000           |  |
|             |  | Internet  | 1,0 | 48.249 | 0 | 0             | 1             | 15.125 | 48.249           | 729.742.001           |  |
| 3           | Nộp phí, lệ phí, chi phí khác  |           |     |        |   |               |               |        |                  |                       |  |
| 3.1         | Phí  |           |     |        |   |               |               |        |                  |                       |  |
| 3.2         | Lệ phí   |           |     |        |   | 50.000        | 1             | 30.249 | 50.000           | 1.512.450.000         |  |
| 4           | Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) |           |     |        |   |               |               |        |                  |                       |  |
| 5           | Công việc khác (nếu có)  |           |     |        |   |               |               |        |                  |                       |  |
| 6           | Nhận kết quả   | Trực tiếp | 4,0 | 48.249 | 0 | 0             | 1             | 7.562  | 192.996          | 1.459.484.001         |  |
|             |  | Bưu chính | 1,0 | 48.249 | 0 | 0             | 1             | 7.562  | 48.249           | 729.742.001           |  |
|             |  | Internet  | 1,0 | 48.249 | 0 | 0             | 1             | 15.125 | 48.249           | 729.742.001           |  |
|             |  | Khác      |     |        |   |               |               |        |                  |                       |  |
| <b>TỔNG</b> |  |           |     |        |   | <b>17.000</b> | <b>50.000</b> |        | <b>2.286.454</b> | <b>51.592.422.159</b> |  |

## II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Các công việc khi thực hiện TTHC | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/ 01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng) | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|
|-----|----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|



|          |   |                  |      |        |       |  |   |        |         |                |  |
|----------|---|------------------|------|--------|-------|--|---|--------|---------|----------------|--|
|          |   | <b>thể</b>       |      |        |       |  |   |        |         |                |  |
| <b>1</b> | <b>Chuẩn bị hồ sơ</b>   |                  |      |        |       |  |   |        |         |                |  |
| 1.1      | Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (Trường hợp đã có số định danh cá nhân)   | Điền biểu mẫu    | 8,0  | 48.249 | 4.000 |  | 1 | 30.249 | 389.992 | 11.796.868.008 |  |
| 1.2      | Điều lệ công ty   | Soạn thảo, in ấn | 10,0 | 48.249 | 5.000 |  | 1 | 30.249 | 487.490 | 14.746.085.010 |  |
| 1.3      | Danh sách thành viên  | Soạn thảo, in ấn | 1,0  | 48.249 | 500   |  | 1 | 30.249 | 48.749  | 1.474.608.501  |  |
| 1.4      | Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự | Soạn thảo, in ấn | 1,0  | 48.249 | 500   |  | 1 | 30.249 | 48.749  | 1.474.608.501  |  |

|     |   |                  |     |        |     |  |   |        |        |               |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|--------|--------|---------------|
| 1.5 | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 1.6 | Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 1.7 | Giấy chứng nhận đăng ký thuế  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 1.8 | Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 1.9 | Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 2   | Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện                             | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |

|     |  |                  |     |        |     |  |   |        |        |               |
|-----|--|------------------|-----|--------|-----|--|---|--------|--------|---------------|
| 2.1 | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 2.2 | Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 2.3 | Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 30.249 | 48.749 | 1.474.608.501 |
| 2.4 | Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)       | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 7.562  | 48.749 | 368.652.125   |

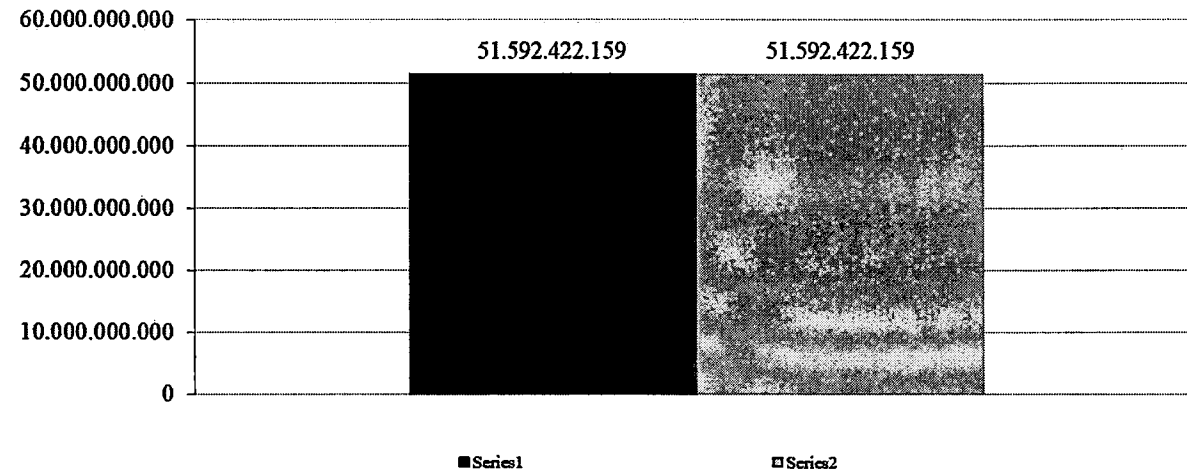
|     |  |                  |     |        |       |  |   |       |         |               |
|-----|--|------------------|-----|--------|-------|--|---|-------|---------|---------------|
| 2.5 | Bản sao Hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 3,0 | 48.249 | 1.500 |  | 1 | 7.562 | 146.247 | 1.105.956.376 |
| 2.6 | Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành (trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500   |  | 1 | 7.562 | 48.749  | 368.652.125   |



|  |             |  |  |               |               |  |  |                  |                       |
|--|-------------|--|--|---------------|---------------|--|--|------------------|-----------------------|
|  | <b>TỔNG</b> |  |  | <b>17.000</b> | <b>50.000</b> |  |  | <b>2.286.454</b> | <b>51.592.422.159</b> |
|--|-------------|--|--|---------------|---------------|--|--|------------------|-----------------------|

### III. SO SÁNH CHI PHÍ

#### Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính hiện tại và được sửa đổi, bổ sung



**Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cắt giảm được (màu xanh) sau dự kiến sửa đổi, bổ sung**

**Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM. Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản**  
**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM*

**CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập công ty cổ phần).

**I. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI**

| STT      | Các công việc khi thực hiện TTHC  | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|---|--|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------------|---|---------|
| <b>1</b> | <b>Chuẩn bị hồ sơ</b>   |  |                           |                                 |   |                                      |                         |                                    |                               |   |         |
| 1.1      | Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Trường hợp đã có số định danh cá nhân) | Điền biểu mẫu                            | 9,0                       | 48.249                          | 4.500                                   |                                      | 1                       | 21.986                             | 438.741                       | 9.646.159.626                             |         |
| 1.2      | Điều lệ công ty   | Soạn thảo, in ấn                         | 10,0                      | 48.249                          | 5.000                                   |                                      | 1                       | 21.986                             | 487.490                       | 10.717.955.140                            |         |
| 1.3      | Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư                             | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                          | 500                                     |                                      | 1                       | 21.986                             | 48.749                        | 1.071.795.514                             |         |

|     |   |                  |     |        |     |  |   |        |        |               |  |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|--------|--------|---------------|--|
|     | nước ngoài.   |                  |     |        |     |  |   |        |        |               |  |
| 1.4 | Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |  |
| 1.5 | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |  |
| 1.6 | Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |  |
| 1.7 | Giấy chứng nhận đăng ký thuế  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |  |



|     |   |                  |     |        |     |  |   |        |        |               |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|--------|--------|---------------|
| 1.8 | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài          | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 1.9 | Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 2   | Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 2.1 | Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện                             | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |

|     |  |                  |     |        |     |  |   |        |        |               |
|-----|--|------------------|-----|--------|-----|--|---|--------|--------|---------------|
| 2.2 | Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 2.3 | Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 2.4 | Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 5.497  | 48.749 | 267.948.879   |

|     |  |                  |     |        |       |  |   |       |         |             |
|-----|--|------------------|-----|--------|-------|--|---|-------|---------|-------------|
| 2.5 | Bản sao Hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 3,0 | 48.249 | 1.500 |  | 1 | 5.497 | 146.247 | 803.846.636 |
| 2.6 | Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành (trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500   |  | 1 | 5.497 | 48.749  | 267.948.879 |



|  |             |  |  |               |               |  |  |                  |                       |  |
|--|-------------|--|--|---------------|---------------|--|--|------------------|-----------------------|--|
|  | <b>TỔNG</b> |  |  | <b>17.500</b> | <b>50.000</b> |  |  | <b>2.335.203</b> | <b>38.570.919.240</b> |  |
|--|-------------|--|--|---------------|---------------|--|--|------------------|-----------------------|--|

## II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT      | Các công việc khi thực hiện TTHC  | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/ 01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|---|--|---------------------------|----------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|---------|
| <b>1</b> | <b>Chuẩn bị hồ sơ</b>   |  |                           |                                  |   |                                      |                          |                                    |                               |  |         |
| 1.1      | Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Trường hợp đã có số định danh cá nhân) | Điền biểu mẫu                            | 9,0                       | 48.249                           | 4.500                                   |                                      | 1                        | 21.986                             | 438.741                       | 9.646.159.626                              |         |
| 1.2      | Điều lệ công ty   | Soạn thảo, in ấn                         | 10,0                      | 48.249                           | 5.000                                   |                                      | 1                        | 21.986                             | 487.490                       | 10.717.955.140                             |         |
| 1.3      | Danh sách cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.                 | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                           | 500                                     |                                      | 1                        | 21.986                             | 48.749                        | 1.071.795.514                              |         |

|     |   |                  |     |        |     |  |   |        |        |               |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|--------|--------|---------------|
| 1.4 | Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 1.5 | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 1.6 | Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 1.7 | Giấy chứng nhận đăng ký thuế  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 1.8 | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |

|     |   |                  |     |        |     |  |   |        |        |               |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|--------|--------|---------------|
| 1.9 | Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 2   | Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 2.1 | Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện                             | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 2.2 | Bản sao giấy phép hoặc văn bản chấp thuận do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |
| 2.3 | Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 21.986 | 48.749 | 1.071.795.514 |

|     |  |                  |     |        |       |  |   |       |         |             |  |
|-----|--|------------------|-----|--------|-------|--|---|-------|---------|-------------|--|
| 2.4 | Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500   |  | 1 | 5.497 | 48.749  | 267.948.879 |  |
| 2.5 | Bản sao Hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 3,0 | 48.249 | 1.500 |  | 1 | 5.497 | 146.247 | 803.846.636 |  |

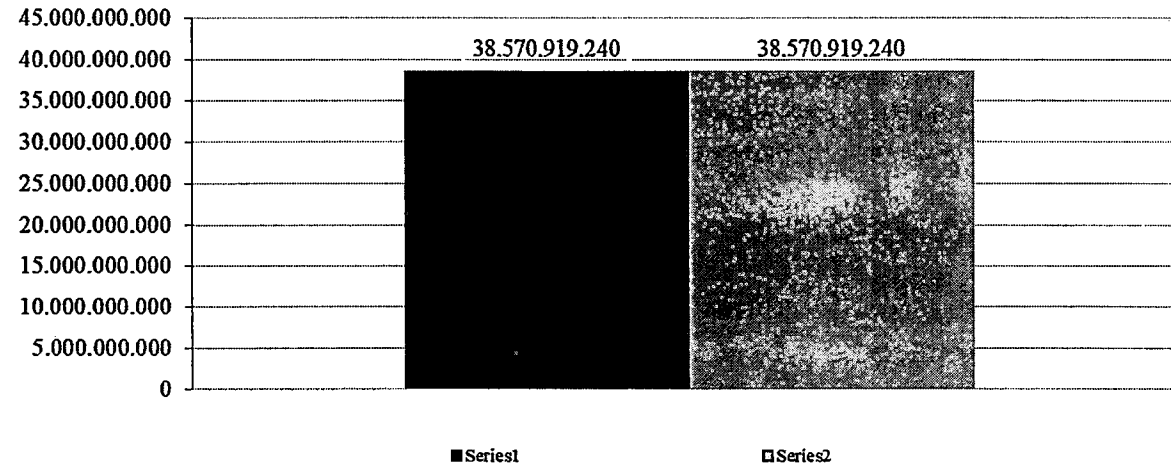


|     |  |                  |     |        |     |        |   |        |         |               |
|-----|--|------------------|-----|--------|-----|--------|---|--------|---------|---------------|
| 2.6 | Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành (trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |        | 1 | 5.497  | 48.749  | 267.948.879   |
| 2   | <b>Nộp hồ sơ</b>   | Trực tiếp        | 4,0 | 48.249 | 0   | 0      | 1 | 5.497  | 192.996 | 1.060.802.514 |
|     |  | Bưu chính        | 1,0 | 48.249 | 0   | 0      | 1 | 5.497  | 48.249  | 265.200.629   |
|     |  | Internet         | 1,0 | 48.249 | 0   | 0      | 1 | 10.993 | 48.249  | 530.401.257   |
| 3   | <b>Nộp phí, lệ phí, chi phí khác</b>   |                  |     |        |     |        |   |        |         |               |
| 3.1 | Phí  |                  |     |        |     |        |   |        |         |               |
| 3.2 | Lệ phí   |                  |     |        |     | 50.000 | 1 | 21.986 | 50.000  | 1.099.300.000 |
| 4   | <b>Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)</b>  |                  |     |        |     |        |   |        |         |               |
| 5   | <b>Công việc khác (nếu có)</b>   |                  |     |        |     |        |   |        |         |               |
| 6   | <b>Nhận kết quả</b>  | Trực tiếp        | 4,0 | 48.249 | 0   | 0      | 1 | 5.497  | 192.996 | 1.060.802.514 |
|     |  | Bưu chính        | 1,0 | 48.249 | 0   | 0      | 1 | 5.497  | 48.249  | 530.401.257   |
|     |  | Internet         | 1,0 | 48.249 | 0   | 0      | 1 | 10.993 | 48.249  | 530.401.257   |
|     |  | Khác             |     |        |     |        |   |        |         |               |

|  |             |  |               |               |  |                  |                       |
|--|-------------|--|---------------|---------------|--|------------------|-----------------------|
|  | <b>TỔNG</b> |  | <b>17.500</b> | <b>50.000</b> |  | <b>2.335.203</b> | <b>38.570.919.240</b> |
|--|-------------|--|---------------|---------------|--|------------------|-----------------------|

### III. SO SÁNH CHI PHÍ

**Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính hiện tại và được sửa đổi, bổ sung**



**Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cắt giảm được (màu xanh) sau dự kiến sửa đổi, bổ sung**

**Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM. Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản**  
**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM*

**CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập công ty hợp danh).

**I. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI**

| STT      | Các công việc khi thực hiện TTHC   | Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể | Thời gian thực hiện (giờ) | Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng) | Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng) | Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng) | Số lần thực hiện/01 năm | Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm | Chi phí thực hiện TTHC (đồng) | Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng) | Ghi chú |
|----------|--|--|---------------------------|---------------------------------|---|--------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------------------------|---|---------|
| <b>1</b> | <b>Chuẩn bị hồ sơ</b>  |  |                           |                                 |   |                                      |                         |                                    |                               |   |         |
| 1.1      | Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Trường hợp đã có số định danh cá nhân) | Điền biểu mẫu                            | 6,0                       | 48.249                          | 3.000                                   |                                      | 1                       | 13                                 | 292.494                       | 3.802.422                                 |         |
| 1.2      | Điều lệ công ty  | Soạn thảo, in ấn                         | 10,0                      | 48.249                          | 5.000                                   |                                      | 1                       | 13                                 | 487.490                       | 6.337.370                                 |         |
| 1.3      | Danh sách thành viên   | Soạn thảo, in ấn                         | 1,0                       | 48.249                          | 500                                     |                                      | 1                       | 13                                 | 48.749                        | 633.737                                   |         |

|     |   |                  |     |        |     |  |   |    |        |         |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|----|--------|---------|
| 1.4 | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư.   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 13 | 48.749 | 633.737 |
| 1.5 | Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 13 | 48.749 | 633.737 |
| 1.6 | Giấy chứng nhận đăng ký thuế  | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 13 | 48.749 | 633.737 |
| 1.7 | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài          | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 13 | 48.749 | 633.737 |
| 1.8 | Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 13 | 48.749 | 633.737 |
| 1.9 | Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 13 | 48.749 | 633.737 |

|     |  |                  |     |        |     |  |   |    |        |         |  |
|-----|--|------------------|-----|--------|-----|--|---|----|--------|---------|--|
| 2   | Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện              | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 13 | 48.749 | 633.737 |  |
| 2.1 | Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 3  | 48.749 | 158.434 |  |

|     |  |                  |     |        |       |  |   |   |         |         |  |
|-----|--|------------------|-----|--------|-------|--|---|---|---------|---------|--|
| 2.2 | Bản sao Hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 3,0 | 48.249 | 1.500 |  | 1 | 3 | 146.247 | 475.303 |  |
| 2.3 | Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành (trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500   |  | 1 | 3 | 48.749  | 158.434 |  |



|     |  |                  |      |        |       |  |   |    |         |           |
|-----|--|------------------|------|--------|-------|--|---|----|---------|-----------|
| 1.1 | Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (Trường hợp đã có số định danh cá nhân)   | Điền biểu mẫu    | 6,0  | 48.249 | 3.000 |  | 1 | 13 | 292.494 | 3.802.422 |
| 1.2 | Điều lệ công ty  | Soạn thảo, in ấn | 10,0 | 48.249 | 5.000 |  | 1 | 13 | 487.490 | 6.337.370 |
| 1.3 | Danh sách thành viên   | Soạn thảo, in ấn | 1,0  | 48.249 | 500   |  | 1 | 13 | 48.749  | 633.737   |
| 1.4 | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư.  | Soạn thảo, in ấn | 1,0  | 48.249 | 500   |  | 1 | 13 | 48.749  | 633.737   |
| 1.5 | Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh  | Soạn thảo, in ấn | 1,0  | 48.249 | 500   |  | 1 | 13 | 48.749  | 633.737   |
| 1.6 | Giấy chứng nhận đăng ký thuế   | Soạn thảo, in ấn | 1,0  | 48.249 | 500   |  | 1 | 13 | 48.749  | 633.737   |
| 1.7 | Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | Soạn thảo, in ấn | 1,0  | 48.249 | 500   |  | 1 | 13 | 48.749  | 633.737   |



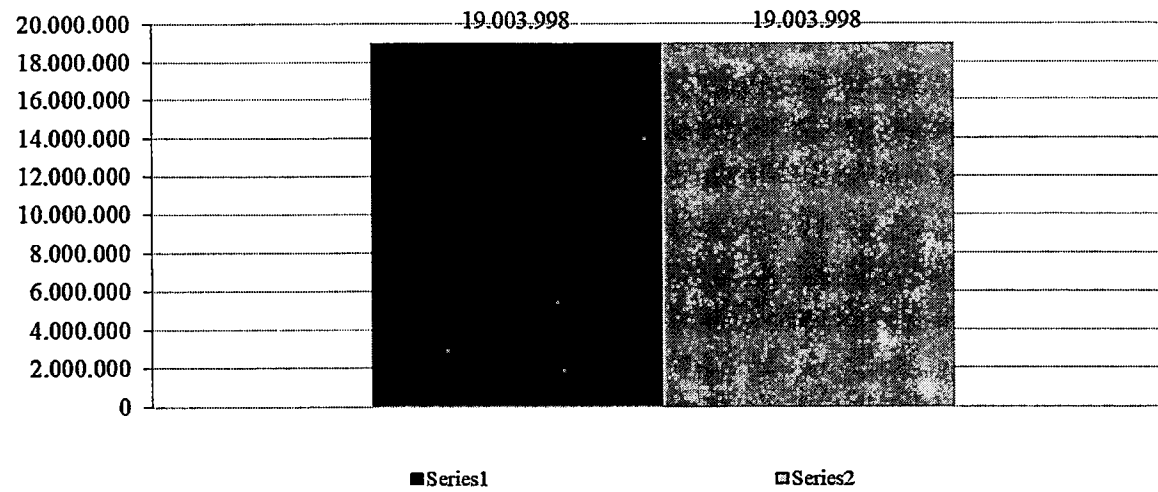
|     |   |                  |     |        |     |  |   |    |        |         |  |
|-----|---|------------------|-----|--------|-----|--|---|----|--------|---------|--|
| 1.8 | Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 13 | 48.749 | 633.737 |  |
| 1.9 | Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 13 | 48.749 | 633.737 |  |
| 2   | Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở bảo trợ xã hội, giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện                             | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 13 | 48.749 | 633.737 |  |
| 2.1 | Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)                | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500 |  | 1 | 3  | 48.749 | 158.434 |  |

|     |  |                  |     |        |       |   |   |         |         |
|-----|--|------------------|-----|--------|-------|---|---|---------|---------|
| 2.2 | Bản sao Hợp đồng ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp (trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp) | Soạn thảo, in ấn | 3,0 | 48.249 | 1.500 | 1 | 3 | 146.247 | 475.303 |
| 2.3 | Phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành (trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp)   | Soạn thảo, in ấn | 1,0 | 48.249 | 500   | 1 | 3 | 48.749  | 158.434 |

|     |   |           |     |        |               |               |   |    |                  |                   |
|-----|---|-----------|-----|--------|---------------|---------------|---|----|------------------|-------------------|
| 2   | <b>Nộp hồ sơ</b>  | Trực tiếp | 4,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 3  | 192.996          | 627.237           |
|     |   | Bưu chính | 1,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 3  | 48.249           | 156.809           |
|     |   | Internet  | 1,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 7  | 48.249           | 313.619           |
| 3   | <b>Nộp phí, lệ phí, chi phí khác</b>  |           |     |        |               |               |   |    |                  |                   |
| 3.1 | Phí   |           |     |        |               |               |   |    |                  |                   |
| 3.2 | Lệ phí  |           |     |        |               | 50.000        | 1 | 13 | 50.000           | 650.000           |
| 4   | <b>Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)</b> |           |     |        |               |               |   |    |                  |                   |
| 5   | <b>Công việc khác (nếu có)</b>  |           |     |        |               |               |   |    |                  |                   |
| 6   | <b>Nhận kết quả</b>   | Trực tiếp | 4,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 3  | 192.996          | 627.237           |
|     |   | Bưu chính | 1,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 3  | 48.249           | 313.619           |
|     |   | Internet  | 1,0 | 48.249 | 0             | 0             | 1 | 7  | 48.249           | 313.619           |
|     |   | Khác      |     |        |               |               |   |    |                  |                   |
|     | <b>TỔNG</b>   |           |     |        | <b>14.500</b> | <b>50.000</b> |   |    | <b>2.042.709</b> | <b>19.003.998</b> |

### III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính hiện tại và được sửa đổi, bổ sung



**Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cắt giảm được (màu xanh) sau dự kiến sửa đổi, bổ sung**